ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NẬM HÀNG

BÁO CÁO

QUY HOẠCH CHUNG XÃ NẬM HÀNG, TỈNH LAI CHÂU ĐẾN NĂM 2045

XÃ NẬM HÀNG, 2026

MỤC LỤC

01 TỔNG QUAN, SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH

02 ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG

03 XÁC ĐỊNH NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT TRONG QUY HOẠCH

04 XÁC ĐỊNH TÍNH CHẤT, VAO TRÒ, ĐỘNG LỰC, DỰ BÁO PHÁT TRIỂN

05 ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH

06 DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ THEO CÁC GIAI ĐOẠN QUY HOẠCH

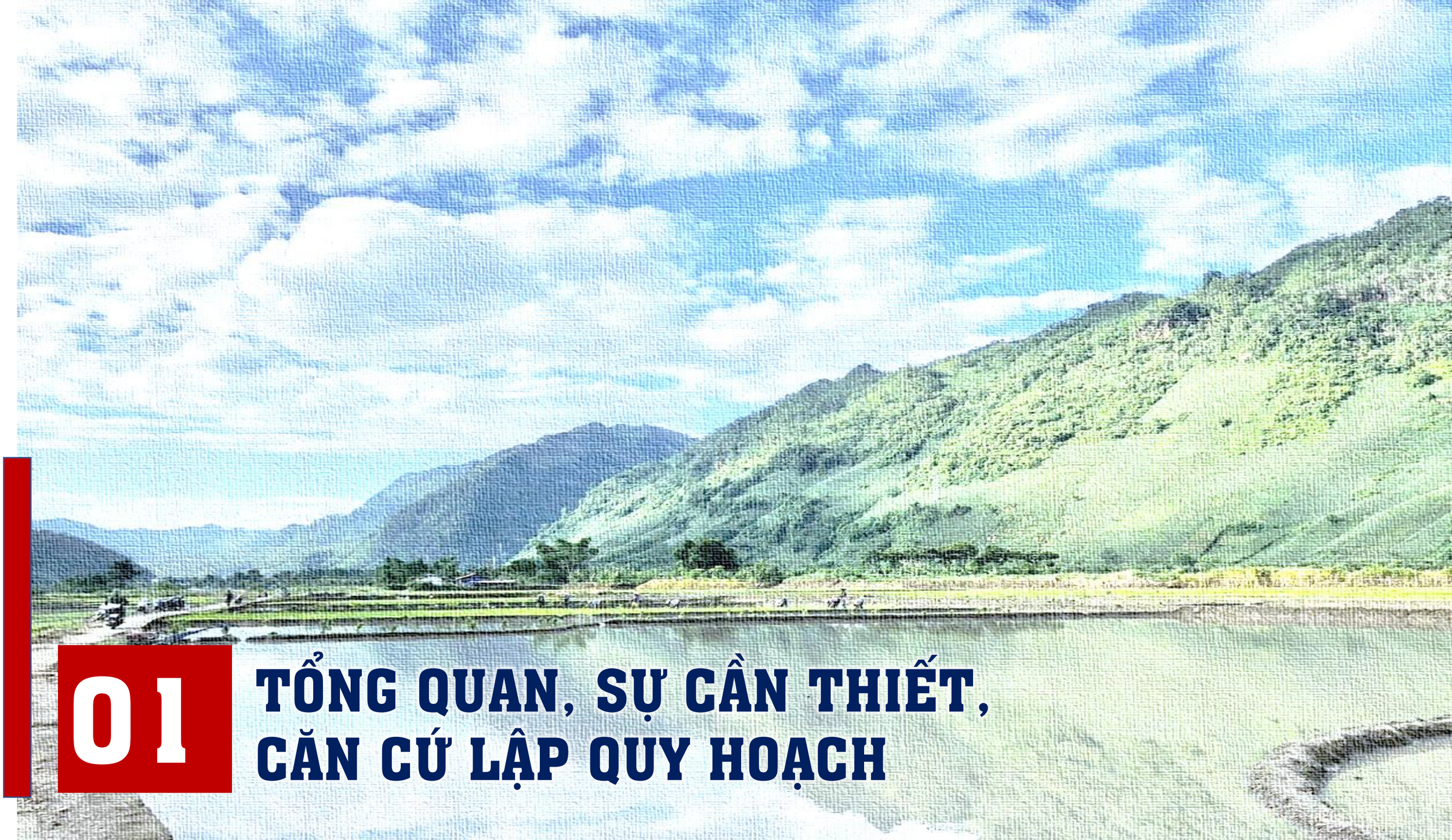

01 TỔNG QUAN, SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH

1.1 LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT

01 Xã Nậm Hàng được thành lập trên cơ sở sáp nhập 03 xã Nậm Hàng, Nậm Manh và thị trấn Nậm Nhùn (thuộc huyện Nậm Nhùn cũ) theo Nghị quyết số 1670/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025

02 Theo Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050, xã Nậm Hàng **nằm trong không gian phát triển kinh tế – xã hội dọc sông Đà**, với định hướng phát triển chủ đạo là nông – lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng, ổn định dân cư, từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế – xã hội và bảo đảm quốc phòng – an ninh.

03 Việc lập Quy hoạch chung xã Nậm Hàng nhằm cập nhật bối cảnh phát triển kinh tế – xã hội sau sáp nhập, đồng thời cụ thể hóa định hướng của quy hoạch cấp trên theo điều kiện thực tiễn địa phương. Quy hoạch lấy bảo tồn cảnh quan sinh thái làm nền tảng, gắn với phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, ổn định xã hội và xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ. Như vậy việc lập quy hoạch chung xã Nậm Hàng là hết sức cần thiết, đây là bước đi chiến lược để định hình xã trở thành trung tâm động lực mới của tỉnh Lai Châu, phát triển toan diện và bền vững

1.2. VỊ TRÍ KHU VỰC LẬP QUY HOẠCH

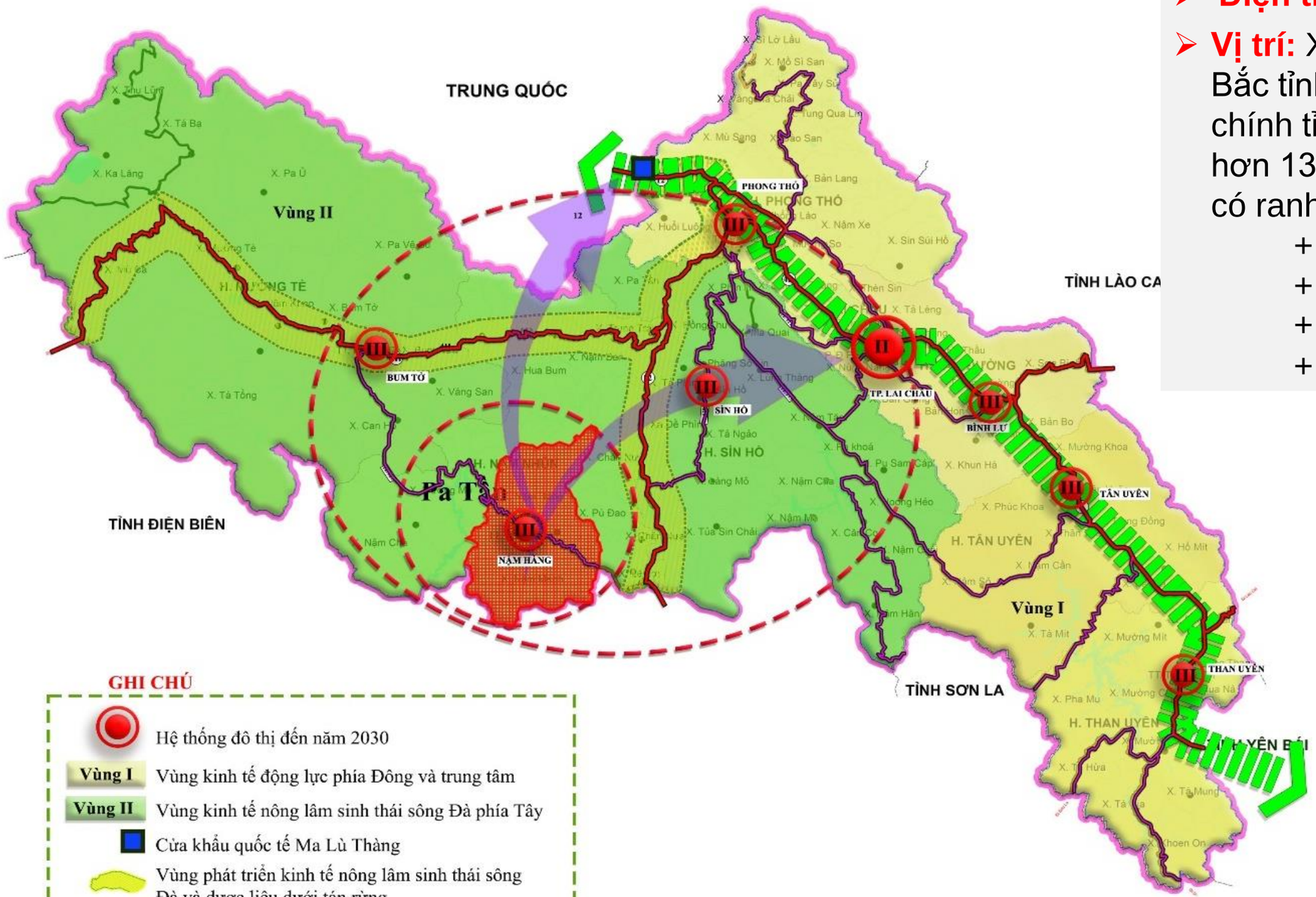

- **Diện tích:** khoảng 33.530,12 ha.
- **Vị trí:** Xã Nậm Hàng nằm ở khu vực Tây Bắc tỉnh Lai Châu cách trung tâm hành chính tỉnh là thành phố Lai Châu khoảng hơn 130km. Xã gồm có 18 bản, tổ dân phố, có ranh giới hành chính:
  - + Phía Bắc giáp xã Hua Bum;
  - + Phía Nam tỉnh Điện Biên;
  - + Phía Đông giáp xã Lê Lợi;
  - + Phía Tây giáp xã Mường Mô.

Made with GAMMA

1.3 CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 144/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 145/2025/NĐ-CP, ngày 12/6/2025 về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn; số 178/2025/NĐ-CP, ngày 01/07/2025 Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; số 34/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP Quy định chi tiết Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 16/2025/TT-BXD, ngày 30/06/2025 Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; số 17/2025/TT-BXD, ngày 30/06/2025 ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn; số 43/2025/TT-BXD, ngày 09/12/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Thông tư 01/2021/TT-BXD, ngày 19 tháng 05 năm 2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1585/QĐ-TTg, ngày 07/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 333/QĐ-UBND, ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 80/NQ-HĐND, ngày 04/11/2025 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Lai Châu về việc phân bổ kinh phí để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ phát sinh và các Chương trình mục tiêu Quốc gia năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung xã Nậm Hàng, tỉnh Lai Châu đến năm 2045;

Căn cứ Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng và các văn bản pháp luật hiện hành.

Made with GAMMA

1.4. QUAN ĐIỂM – MỤC TIÊU

Quan điểm

- Phát triển hài hòa, toàn diện và bền vững, phù hợp với QH tỉnh
- Khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế: nông – lâm nghiệp hàng hóa, năng lượng tái tạo, du lịch
- Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại
- Gắn QH với QP – AN, giữ vững ổn định XH.
- Chủ động ứng phó BĐKH, sử dụng đất tiết kiệm, bảo vệ rừng, môi trường sinh thái.
- Phát huy vai trò cộng đồng, huy động nguồn lực XH, tạo đồng thuận trong tổ chức thực hiện QH.

Mục tiêu

- Cụ thể hóa các NQ của TW, tỉnh và xã, QH tỉnh Lai Châu; làm cơ sở hoạch định chương trình, dự án và chính sách phát triển.
- Xây dựng QH làm công cụ quản lý không gian phát triển toàn xã sau sáp nhập.
- Tổ chức không gian nông thôn hợp lý, phát triển hạ tầng KT– XH đồng bộ, tạo diện mạo nông thôn mới.
- Phát huy tiềm năng đất đai, cảnh quan, văn hóa để nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống người dân.
- Làm căn cứ lập QH chi tiết và triển khai các dự án đầu tư hạ tầng trên địa bàn xã.

02 ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG

2.1 HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

Địa hình: Xã Nậm Hàng mang đặc trưng địahinhf miền núi Tây Bắc vơi cấu trúc bị chia cắt mạnh, độ cao 250-700m. Khu trung tâm địa hình đồi thấp dạng dải, độ dốc 8–20° ; khu vực còn lại độ dốc trung binh 25–30°, sườn dốc lớn, hạn chế khả năng mở rộng không gian và giao thông.

Khí hậu: Đặc trưng nhiệt đới gió mùa núi cao Tây Bắc.Lượng mưa phân hóa theo địa hình, trung binh mỗi năm lượng mưa vung núi cao>3.000 mm, trong khi thung lũng và khu vực đồi thấp khoảng 1.500-1.800 mm. Mùa khô (Tháng 11- tháng 3) có thể xảy ra khô hạn cục bộ. Tổng số giờ nắng khoảng 1.700–1.900 giờ/năm, thuận lợi cho bố trí sản xuất và dân cư tại các thung lũng, khu trung tâm.

Thổ nhưỡng: Tại khu vực Nậm Hàng, thổ nhưỡng mang đặc trưng của vùng núi cao Tây Bắc, hình thành trên nền đá macma và đá trầm tích phong hóa mạnh. Các loại đất này phân bố không đều theo địa hình: dọc bờ trái Sông Đà chủ yếu là đất đen, đất đỏ nâu và đất mùn trên đá vôi có tầng đất khá dày, phù hợp phát triển lâm nghiệp và cây lâu năm; trong khi bờ phải sông Đà và các thung lũng ven suối phổ biến đất cát và đất phù sa, thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp.

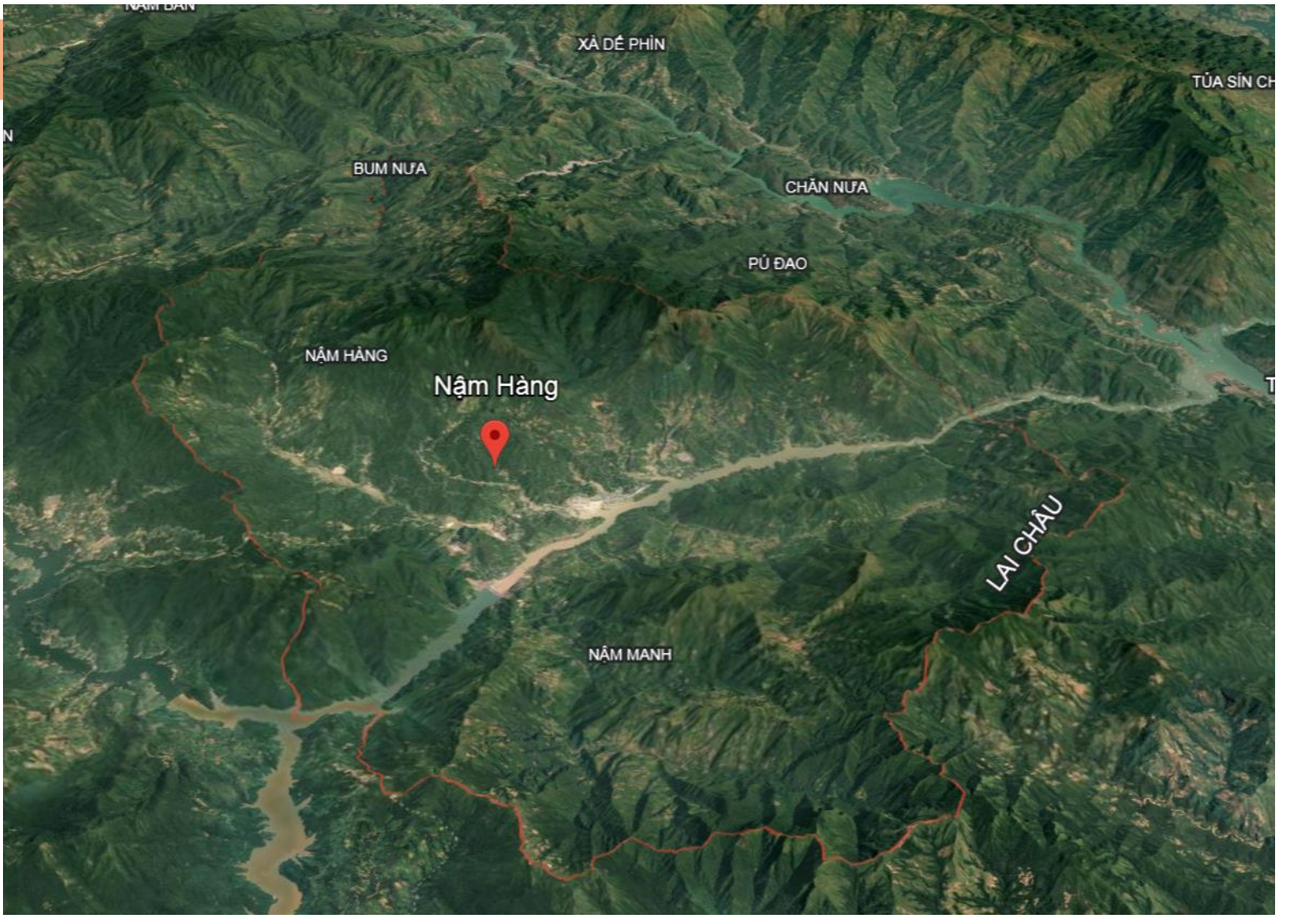

Tài nguyên : Nguồn nước tương đối phong phú, nguồn nước chủ yếu lấy từ sông Đà và các suối chinh Nậm Nàn, Nậm Manh, Nậm Pồ và suối Huổi Van, ngoai ra còn nhiều khe nhỏ phục vụ sản xuất và sinh hoạt người dân. Diện tích rừng hiện có 19,485,08 ha, tỷ lệ che phủ rừng 54,21% cùng cảnh quan sinh thái – văn hóa đa dạng có tiềm năng du lịch. Khoáng sản chủ yếu là cát, sỏi, đá xây dựng phân bố dọc sông Đà và các suối lớn, quy mô nhỏ, phục vụ nhu cầu địa phương.

Made with GAMMA

2.2 DÂN SỐ, LAO ĐỘNG

❖ Dân số:

- Năm 2025 có 11.218 người, 2.684 hộ, mật độ 29 người/km², dân cư phân bố phân tán theo 26 bản;
- Cơ cấu dân tộc chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số, mang đặc trung văn hóa – xã hội của khu vực miền núi.

Lao động:

- Có 7.131 lao động (≈ 63,57 % dân số),
- Lao động chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực:
  + Nông – lâm nghiệp : 60%
  + Công nghiệp – xây dựng :14%
  + Dịch vụ 26%.
- Thu nhập bình quân đầu người 40,3 triệu đồng/người/năm.

Bảng 1: Hiện trạng dân số xã Nậm Hàng

TT	Tên bản	Dân số	Số hộ
1	TDP Nậm Hàng	768	279
2	TDP Pá Kéo	1.035	319
3	TDP Nậm Nhùn	478	136
4	TDP Noong Kiêng	626	270
5	TDP Sông Đà	236	69
6	Bản Nậm Manh	653	135
7	Bản Huổi Héo	330	58
8	Bản Nậm Nàn	834	143
9	Bản Nậm Pồ	530	93
10	Bản Huổi Chát	999	144
11	Bản Nậm Ty	553	134
12	Bản Nậm Cầy	1.041	240
13	Bản Nậm Dòn	891	272
14	Bản Huổi Pết	760	131
15	Bản Huổi Van	781	132
16	Bản Huổi Đanh	238	37
17	Bản Lồng Ngài	251	49
18	Bản Nậm Lay	217	43
	Tổng cộng	**11.218**	**2.684**

(Nguồn: tổng hợp từ số liệu thống kê xã)

Tỷ lệ lao động theo việc làm

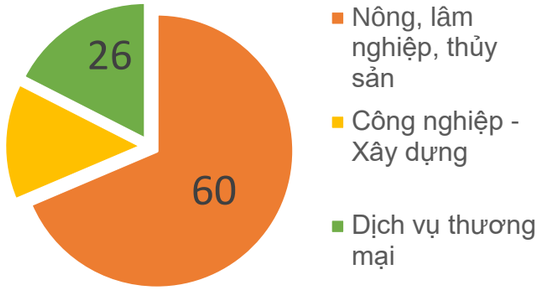

Bảng 2: Một số chỉ tiêu lao động, việc làm năm 2025

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng
1	**Tổng dân số**	**Người**	11.218
2	**Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên**	**Người**	7.131
	Tỷ lệ so với dân số	%	63,57
3	**Phân bố lao động**		
	Cơ cấu lao động		
-	Nông, Lâm nghiệp và thủy sản	%	60
-	Công nghiệp - Xây dựng	%	14
-	Dịch vụ - Thương mại	%	26
4	**Số lao động được tạo việc làm**	**Người**	**6.791**
5	**Số lao động được đào tạo nghề trong năm**	**Người**	**186**

(Nguồn: tổng hợp từ số liệu thống kê xã Nậm Hàng)

2.3 ĐẶC ĐIỂM VĂN HÓA, DÂN TỘC VÀ PHÂN BỐ DÂN CƯ

ĐẶC ĐIỂM VĂN HÓA – DÂN TỘC

Xã Nậm Hàng có cơ cấu đa dân tộc: Mông, Thái, Kinh, Khơ Mú, Mảng, Dao,…Các dân tộc cộng cư lâu đời, còn lưu giữ nhiều giá trị văn hóa đặc sắc: ngôn ngữ, phong tục, lễ hội, dân ca, múa, trang phục thổ cẩm, kiến trúc truyền thống, nghề thủ công → tiềm năng du lịch cộng đồng.

Tiêu biểu: Lễ hội đua thuyền đuôi én: Tổ chức trên sông Đà với sự tham gia của nhiều đội đua, góp phần thúc đẩy du lịch, giao lưu văn hóa giữa các địa phương. **Lễ hội Khèn Mông:** bản Huổi Chát)với các hoạt động biểu diễn khèn, trình diễn trang phục, trò chơi dân gian nhằm bảo tồn, và phát triển sản phẩm du lịch đặc trưng vùng cao

→ Đây là một trong những lễ hội tiêu biểu tại xã Nậm Hàng, góp phần làm nổi bật giá trị văn hóa truyền thống, đồng thời tạo tiềm năng khai thác du lịch văn hóa gắn với bảo tồn bản sắc các dân tộc trên địa bàn

ĐẶC ĐIỂM PHÂN BỐ DÂN CƯ

a. Khu vực phát triển đô thị:

Khu vực trung tâm xã có mật độ tập trung cao nhất, gắn với hệ thống hạ tầng giao thông, thương mại, dịch vụ đã được đầu tư đồng bộ. Theo NQ phân loại đô thị khu vực này được xác định là đô thị Nậm Hàng, định hướng phát triển và hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại III.

b. Khu vực dân cư nông thôn

Phân bố thưa và không đồng đều, chủ yếu theo mô hình cư trú dạng cụm – tuyến; bám dọc tuyến đường liên xã, liên bản, khu vực có địah hình tương đối bằng phẳng.

•**Yêu cầu quy hoạch**: **ổn định dân cư tại chỗ gắn với nâng cấp hạ tầng**, từng bước **sắp xếp, di dời các điểm có nguy cơ sạt lở**, đảm bảo an toàn và phát triển bền vững.

2.4 ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ

NÔNG LÂM NGHIỆP

- Sản xuất ổn định; **tổng lương thực 5.895 tấn (2025)**
- Cây trồng chủ lực: lúa nước **666,7 ha**, ngô **635,6 ha**; duy trì cây lâu năm (cao su, cây ăn quả, dược liệu)
- Chăn nuôi: Phát triển ổn định **8.881 gia súc**, **90.600 gia cầm**
- Thủy sản: **38,8 ha**, sản lượng **118 tấn**
- Quản lý, bảo vệ rừng hiệu quả gắn với **chi trả DVMTR**, góp phần tăng thu nhập

Công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp

- **03 nhà máy thủy điện đang vận hành**: Lai Châu (1.200 MW), Huổi Văn (8 MW), Nậm Cuổi 1 (19MW) – trụ cột công nghiệp địa phương
- Chế biến nông – lâm sản, TTCN, VLXD; giá trị SX **~2–3 tỷ đồng/năm**
- Đang xúc tiến **dự án tre – măng xuất khẩu** và **nhà máy tinh dầu quế**

•Khai khoáng

- Khai thác VLXD thông thường quy mô nhỏ, phục vụ xây dựng tại chỗ, gắn bảo vệ môi trường

•Nhận xét chung

- Kinh tế ổn định; Sản xuất nông nghiệp ổn định, đảm bảo an ninh lương thực; Quy mô sản xuất còn **phân tán**, giá trị gia tăng thấp → cần **phát triển sản xuất hàng hóa, gắn chế biến và thị trường**

THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ - DU LỊCH

•Thương mại – dịch vụ Nậm Hàng từng bước phát triển với **doanh thu khoảng 220,8 tỷ đồng (2025)**, có chợ xã quy mô 1,81 ha nằm ven ĐT 127, **16 HTX, ~130 hộ kinh doanh**, 06 cơ sở lưu trú (78 phòng) công suất SD phòng đạt 78% và khoảng 10 cơ sở ăn uống, cơ bản đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và khách du lịch nhưng quy mô còn nhỏ.

Tiềm năng du lịch:

Du lịch Nậm Hàng đã hình thanh bước đầu theo hướng *du lich cộng đồng gắn với cảnh quan lòng hồ Thủy điện Lai Châu và bản sắc văn hóa dân tộc Thái (TDP Nậm Nhùn), dân tộc Mông (bản Huổi Chát..).*

Tổng lượng khách khoảng 5.350, quy mô còn nhỏ, hạ tầng, dịch vụ và liên kết điểm du lịch còn hạn chế, chưa khai thác hết tiềm năng.

Made with GAMMA

2.5 HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

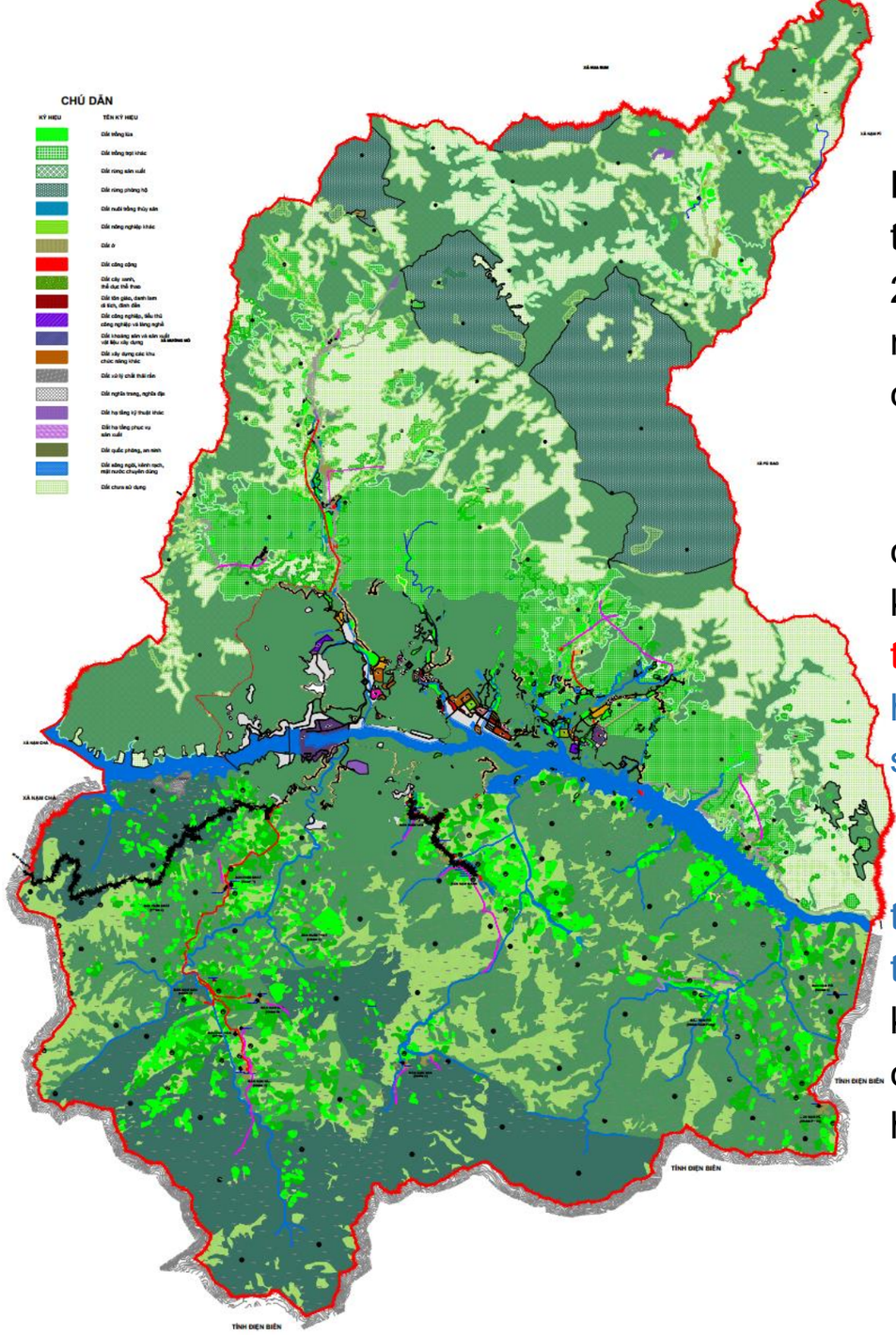

Diện tích xã Nậm Hàng là 33.530,12ha, trong đó: Đất sản xuất nông nghiệp 24.842,12ha (chiếm 74,09%), đất phi nông nghiệp 1.570,29ha (chiếm 4,68%) và đất chưa sử dụng 7.117,71 ha (chiếm 21,23%).

Tuy nhiên, quỹ đất chưa sử dụng còn lại chủ yếu là đồi núi cao, địa hình dốc, khả năng khai thác hạn chế; trong tổng số trên 7.117,17 ha chỉ khoảng 69,72 ha có địa hình tương đối bằng phẳng, có thể đưa vào sử dụng.

Đây là hạn chế lớn đối với phát triển không gian xây dựng và sản xuất tập trung, đòi hỏi công tác quy hoạch, quản lý và khai thác sử dụng đất phải được thực hiện chặt chẽ, tiết kiệm, phù hợp điều kiện địa hình và gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

Bảng 3: Bảng tổng hợp hiện trạng sử dụng đất

STT	Mục đích sử dụng đất	Năm 2025	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Tổng diện tích tự nhiên	**33.530,12**	**100,00**
1	**Đất nông nghiệp**	**24.842,12**	**74,09**
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	5.360,17	15,99
1.2	Đất lâm nghiệp	19.443,06	57,99
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	37,36	0,11
1.4	Đất làm muối		
1.5	Đất nông nghiệp khác	1,53	0,00
2	**Đất xây dựng**	**727,87**	**2,17**
2.1	Đất ở	119,62	**0,36**
2.2	Đất công cộng	77,22	**0,23**
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	1,51	**0,00**
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền		
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	21,25	**0,06**
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	18,82	0,06
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	5,22	0,02
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	463,26	1,38
2.8.1	*Đất giao thông*	*315,97*	*0,94*
2.8.2	*Đất xử lý chất thải rắn*	*13,94*	*0,04*
2.8.3	*Đất nghĩa trang, nghĩa địa*	*26,03*	*0,08*
2.8.4	*Đất hạ tầng kỹ thuật khác*	*107,33*	*0,32*
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	13,02	0,04
2.10	Đất quốc phòng, an ninh	7,95	0,02
3	**Đất khác**	**7.960,13**	**23,74**
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	842,42	2,51
3.2	Đất chưa sử dụng	7.117,71	21,23

(Nguồn: Tổng hợp từ BC kiểm kê đất đai năm 2024 xã Nậm Hàng sau sáp nhập)

Made with GAMMA

2.6 HIỆN TRẠNG NHÀ Ở VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

Hiện trạng nhà ở: Nhà ở Nậm Hàng chủ yếu **thấp tầng (1–3 tầng)** do dân tự xây; khu trung tâm ven **ĐT.127** phổ biến nhà kết hợp kinh doanh, còn khu nông thôn chủ yếu **nhà sàn, nhà gỗ, nhà cấp 4 mái ngói hoặc tôn**, tường rào thấp hoặc hàng rào cây xanh.

Hiện trạng công trình giáo dục

Toàn xã có 09 đơn vị trường (03 trường THCS, 03 trường MN, 03 trường tiểu học) do xã quản lý và các điểm trường rải rác tại các bản, gồm các công trình giáo dục và đào tạo ở tất cả các cấp từ mầm non đến THCS, 8/9 trường đạt chuẩn quốc gia và 03 đơn vị trường do Sở GD tỉnh quản lý bao gồm: Trường PT dân tộc nội trú THPT Nậm Nhùn, tại thị trấn Nậm Nhùn; Trường THPT Nậm Nhùn; Trung tâm giáo dục Nghề nghiệp, GD thường xuyên Nậm Nhùn.

Trụ sở Đảng Ủy- HĐND-UBND xã

Trung tâm hành chính: Kế thừa trụ sở Huyện ủy – HĐND – UBND huyện Nậm Nhùn (cũ), đã được đầu tư đồng bộ về quy mô, kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật, tổ chức theo mô hình trung tâm hành chính tập trung, cơ sở vật chất cơ bản hoàn chỉnh. Tiếp tục duy trì, khai thác ổn định, đáp ứng tốt yêu cầu hoạt động và định hướng phát triển trung tâm xã trong giai đoạn quy hoạch tới.

Văn hóa – thể thao :. Xã có 01 trung tâm hội nghị văn hóa xã. 16/18 bản, TDP có nhà văn hóa nhưng quy mô diện tích nhỏ. Một số công trình NVH các thôn đã xuống cấp, cần cải tạo phục vụ nhu cầu người dân tốt hơn

- Phần lớn các bản đều chưa có sân thể thao riêng, các hoạt động vui chơi thể thao đều tập trung tại NVH bản. Hiện có sân thể thao tại bản Huổi Héo 0,2 ha; bản Nậm Manh 0,1 ha., Nậm Dòn

Y tế : Xã Nậm Hàng hiện có 01 Bệnh viện đa khoa Nậm Nhùn, 01 Trạm Y tế xã DT 0,48 ha và 01 điểm trạm y tế tại bản Nậm Manh diện tích 0,13 ha; 01 điểm trạm tại bản Nậm Dòn 0,19 ha.

Các công trình y tế được xây dựng kiên cố, có tường rào bao quanh, bán kính phục vụ đảm bảo đáp ứng nhu cầu y tế của người dân. Công trình Bệnh viện đa khoa Nậm Nhùn là công trình kiến trúc hiện đại, quy mô đáp ứng nhu cầu phát triển tương lai của xã Nậm Hàng nói riêng và các xã lân cận nói chung.

2.7 HIỆN TRẠNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

GIAO THÔNG: 18/18 bản có đường ô tô, xe máy đi lại thuận lợi, trong đó 78,4% tỷ lệ đường được cứng hóa.

➢ **Đối ngoại:** ĐT 127: chiều dài qua xã 30km, cấp IV, cấp V miền núi.

➢ **Đối nội:**

- Đường xã: Có 11 tuyến đường xã với tổng chiều dài 71,6 km, nền đường 3-4m, mặt đường 2,5-3,5m, các tuyến đường đã được cứng hóa khoảng 81%.
- Đường đô thị: Có 20 tuyến đường đô thị với tổng chiều dài 19,7 km, nền đường 13,5 - 36m, mặt đường 7,5 - 24m, các tuyến đường đã được cứng hóa.

Hiện nay, một số tuyến đường đã xuống cấp, chất lượng trung bình, kém cần được nâng cấp, mở rộng nhằm phục vụ người dân đi lại và sản xuất.

➢ **Cầu**

Trên địa bàn xã hiện có 6 cây cầu với tổng chiều dài là 0,506 km, tải trọng từ 10 tấn trở lên. Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu đi lại và phục vụ sản xuất trong thời gian tới cần được duy tu, nâng cấp tải trọng của một số cây cầu.

CHUẨN BỊ KỸ THUẬT

Địa hình xã phân thành 2 vùng: **khu trung tâm cao độ +210÷+260 m** đã có rãnh thoát nước BxH=60x80 cm, đảm bảo tiêu thoát tốt, không ngập úng; **khu vực còn lại +270÷+610 m** thoát nước tự nhiên về suối và sông Đà, song địa hình phức tạp cần xử lý nền khi phát triển xây dựng.

CẤP ĐIỆN: hệ thống lưới điện trên địa bàn xã đến nay cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân, hệ thống lưới điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện, 92% số hộ trên địa bàn được sử dụng điện lưới quốc gia.

CẤP NƯỚC : Khu trung tâm xã được cấp nước từ nhà máy nước sinh hoạt Nậm Tạo, có 02 công trình trạm xử lý nước sạch sử dụng nguồn nước thô từ sông Đà để xử lý và cung cấp nước sinh hoạt sản xuất.100% dân cư đô thị được SD nước sạch.

Khu vực dân cư nông thôn: SD nước qua các công trình cấp nước sinh hoạt thôn, một số hạng mục đã xuống cấp, cần tu sửa, cải tạo. Tỷ lệ hộ dân SD nước hợp vệ sinh 92 %.

THOÁT NƯỚC : Chưa có hệ thống thoát nước riêng, nước thải thoát chung với nước mưa

MÔI TRƯỜNG: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng **3.441 tấn/năm**, mới thu gom tập trung khoảng **1.200 tấn/năm** chủ yếu tại khu trung tâm và xử lý bằng **chôn lấp (9,9 ha)**; các bản nông thôn, do địa hình phân tán còn khó thu gom, phát sinh điểm đổ rác tự phát, chưa thực hiện phân loại và tái chế

2.7 HIỆN TRẠNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

THÔNG TIN LIÊN LẠC :

Hiện trạng

- 23 trạm BTS, phủ sóng 16/18 bản (~88,9%).
- Cáp quang đến 14/18 bản (~77,8%).
- Dịch vụ cung cấp bởi Vinaphone, Viettel.
- Chất lượng dịch vụ cơ bản đáp ứng nhu cầu thông tin, chỉ đạo điều hành.
- 02 bản chưa có sóng di động: Nậm Pồ, Nậm Lay.
- 04 bản chưa có cáp quang: Nậm Pồ, Nậm Lay, Nậm Nàn, Lồng Ngài.
- Một số khu vực suy hao tín hiệu lớn, chất lượng 4G chưa ổn định.
- Vùng lõm sóng cục bộ tại khu vực địa hình chia cắt mạnh.

Định hướng

Hoàn thành phủ sóng Nậm Pồ, Nậm Lay (dự kiến **7/2026**).

Bổ sung trạm BTS tại khu vực lõm sóng.

Mở rộng hạ tầng cáp quang đến 100% bản.

Nâng cấp hệ thống truyền thanh cơ sở.

Đảm bảo hạ tầng phục vụ chuyển đổi số và quản lý điều hành

NGHĨA TRANG

Hiện nay, trên địa bàn xã có Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Nậm Nhùn và nghĩa trang thị trấn Nậm Nhùn, ngoài ra còn tồn tại một số nghĩa trang, khu mộ nhỏ lẻ phân bố rải rác tại các bản. Hiện xã chưa có khu nghĩa trang tập trung cấp xã. Việc mai táng chủ yếu được thực hiện theo phong tục, tập quán của từng dân tộc và từng bản. Các khu mai táng hiện nay cơ bản phù hợp với quy hoạch, đảm bảo vệ sinh môi trường, đồng thời giữ khoảng cách an toàn tối thiểu đối với khu dân cư và các nguồn nước sinh hoạt

2.8 AN NINH QUỐC PHÒNG

Quân sự – Quốc phòng

- Triển khai đầy đủ chủ trương, nghị quyết về nhiệm vụ quốc phòng địa phương.
- Duy trì huấn luyện, diễn tập khu vực phòng thủ, PCTT&TKCN hằng năm.
- Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, sẵn sàng chiến đấu.
- Thực hiện tốt giáo dục quốc phòng – an ninh, bảo đảm hậu cần, kỹ thuật.

An ninh chính trị – Trật tự ATXH

- Chủ động nắm tình hình, không để phát sinh điểm nóng.
- Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, an ninh nông thôn.
- Tăng cường đấu tranh tội phạm ma túy, trộm cắp tài sản.
- Thực hiện hiệu quả thu hồi vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

Made with GAMMA

2.9 TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới được tập trung triển khai sâu rộng đến tất cả các bản, với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự hưởng ứng tích cực của nhân dân. Chương trình xây dựng nông thôn mới đạt kết quả tích cực, kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn được đầu tư, cơ bản thuận lợi cho phát triển sản xuất và đời sống; diện mạo nông thôn, đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của người dân được nâng lên rõ rệt. Tập trung huy động các nguồn lực trong dân, cùng với nguồn vốn ngân sách Nhà nước để đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông trục xã và nội bản phục vụ dân sinh, phát triển kinh tế - xã hội. Đến hết năm 2025 đạt 11/19 tiêu chí nông thôn mới [0]; có 03 sản phẩm OCOP đạt chất lượng 3 sao (*Cao cà gai leo, Trà cà gai leo, Mật ong nơi thượng nguồn sông Đà).*

Quy hoạch, Thủy lợi và PCTT, Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, trường học, Thông tin và truyền thôn; Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn, nhà ở dân cư, Y tế, Văn hóa, hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật, Quốc phòng và an ninh)

2.10 ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG

Điểm mạnh (Strengths)

- Vị trí và nguồn năng lượng: Nằm ở thượng lưu sông Đà, có lợi thế lớn về phát triển năng lượng thủy điện, đặc biệt với công trình Thủy điện Lai Châu, tạo nguồn thu ngân sách và động lực phát triển kinh tế.
- Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho lâm nghiệp: Khí hậu nhiệt đới núi cao, các nhóm đất như đất đen, đất đỏ nâu và đất mùn trên đá vôi phù hợp phát triển cây lâm nghiệp và cây công nghiệp lâu năm.
- Tài nguyên rừng phong phú: Diện tích rừng lớn, độ che phủ trên 54%, tạo nền tảng cho phát triển lâm nghiệp bền vững và dịch vụ môi trường rừng.
- Hạ tầng giao thông cơ bản kết nối: Hệ thống đường ô tô đã đến trung tâm xã và các bản, tạo điều kiện thuận lợi cho đi lại và giao thương.
- Hạ tầng điện – nước tương đối đảm bảo: Phần lớn hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và nước sinh hoạt hợp vệ sinh.
- Tiềm năng du lịch: Có lợi thế phát triển du lịch sinh thái lòng hồ và du lịch cộng đồng gắn với văn hóa dân tộc Thái và Mông.
- Hạ tầng hành chính ổn định: Trung tâm hành chính xã đã được đầu tư tương đối đồng bộ, đáp ứng nhu cầu quản lý và phát triển trong giai đoạn mới.

Điểm yếu (Weaknesses)

- Địa hình phức tạp: Núi cao, chia cắt mạnh, độ dốc lớn gây khó khăn cho phát triển hạ tầng và mở rộng không gian xây dựng.
- Quỹ đất xây dựng hạn chế: Phần lớn diện tích là núi cao và đất dốc; đất bằng có khả năng xây dựng chiếm tỷ lệ nhỏ.
- Sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ: Quy mô sản xuất phân tán, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm truyền thống, giá trị gia tăng thấp.
- Liên kết sản xuất yếu: Các hợp tác xã đã hình thành nhưng chưa xây dựng được chuỗi liên kết bền vững với doanh nghiệp.
- Hạ tầng môi trường còn thiếu: Chưa có hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và khu xử lý rác thải tập trung, tỷ lệ thu gom rác thấp.
- Hạ tầng xã hội xuống cấp: Một số nhà văn hóa, sân thể thao bản chưa được đầu tư đầy đủ, thiếu trang thiết bị.

Cơ hội (Opportunities)

- Chính sách phát triển vùng miền núi của Nhà nước và tỉnh tạo điều kiện thu hút đầu tư phát triển hạ tầng và kinh tế địa phương.
- Phát triển kinh tế từ thủy điện thông qua dịch vụ, thương mại và du lịch lòng hồ gắn với Thủy điện Lai Châu.
- Tiềm năng phát triển lâm nghiệp và kinh tế rừng, đặc biệt là các chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.
- Phát triển du lịch sinh thái và du lịch cộng đồng gắn với cảnh quan lòng hồ sông Đà và bản sắc văn hóa dân tộc.
- Ứng dụng khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp, phát triển các mô hình nông – lâm kết hợp, nâng cao giá trị sản phẩm địa phương.

Thách thức (Threats)

Thiên tai & Biến đổi khí hậu: Nguy cơ sạt lở đất, lũ ống, lũ quét rất cao do địa hình dốc và lượng mưa lớn; hiện tượng rét đậm, rét hại ảnh hưởng trực tiếp đến chăn nuôi.

Ô nhiễm môi trường: Nguy cơ từ việc sử dụng xung điện đánh bắt cá và quản lý chất thải rắn (hiện trạng đất xử lý chất thải chưa có diện tích cụ thể trên bảng cơ cấu).

Sự mai một văn hóa: Quá trình hiện đại hóa và kiến trúc lai tạp đang dần làm mất đi bản sắc nhà ở truyền thống của đồng bào DTTS.

2.11 ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG ĐÔ THỊ THEO CÁC TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ

Khu vực thị trấn Nậm Nhùn (cũ) trên địa bàn xã Nậm Hàng đã được công nhận là đô thị loại V theo Quyết định số 636/QĐ-UBND năm 2011. Theo Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 30/01/2026, khu vực này được định hướng thành đô thị Nậm Hàng đạt tiêu chuẩn đô thị loại III.

Qua rà soát theo các tiêu chí phân loại đô thị, hiện đô thị Nậm Hàng đạt 64,25 điểm, chưa đáp ứng yêu cầu đô thị loại III, trong đó các tiêu chí chưa đạt: mật độ dân số, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp, mật độ đường cống thoát nước chính, tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với công suất thiết kế theo quy hoạch, cũng như việc chưa hình thành các công trình hạ tầng đô thị đặc thù như nhà tang lễ đô thị.

Trong thời gian tới, việc phát triển đô thị cần thực hiện theo lộ trình phù hợp với điều kiện thực tế, tập trung nâng cao mức độ đô thị hóa, phát triển các ngành kinh tế phi nông nghiệp và từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật – xã hội đồng bộ, nhằm tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội và nâng cao vai trò trung tâm của đô thị Nậm Hàng trong khu vực.

PHỤ LỤC II
TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ LOẠI II, LOẠI III
BẢNG 2A. TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ TOÀN ĐÔ THỊ

TT	Mã	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức quy Loại III	Thang điểm	Điểm hiện trạng	Đánh giá	
							Đạt	Không đạt
I	**TIÊU CHÍ VAI TRÒ, VỊ TRÍ VÀ ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**				**11,5-15**	**11,5**	**X**	
II	**TIÊU CHÍ MỨC ĐỘ ĐÔ THỊ HÓA**				**15,5-20**	**2,5**		**X**
1	2A.II.03	Quy mô dân số đô thị	nghìn người	≥ 200	7	0		x
				20	5,5	0		x
2	2A.II.04	Mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên	người/km²	≥ 1.000	6	0		x
				500	4,5	0		x
3	2A.II.05	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	≥ 65	7	0		x
				55	5,5	2,5	x	
III	**TIÊU CHÍ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ**				**48-65**	**49,75**	**X**	
III.1		**Về hạ tầng kỹ thuật**			**18,25-25**	**15,5**		x
3.1.1		***Giao thông***			**7-9**	**6,5**	**X**	
3.1.2		***Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải***			***4,75-7***	***3***		***x***
3.1.3		***Xử lý chất thải rắn***			**2-3**	**3**	**x**	
3.1.4		***Nghĩa trang đô thị***			***4,5-6***	***3***		***x***
III.2		**Về hạ tầng xã hội**			**18,25-25**	**19,75**	X	
III.3		**Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị**			**11,5-15**	**14,5**	x	
		TỔNG ĐIỂM				**63,75**		

03 NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT TRONG QUY HOẠCH

NỘI DUNG KẾ THỪA

- Kế thừa và tích hợp QH các xã trước sáp nhập, đảm bảo tính thống nhất, liên tục.
- Rà soát, bổ sung các dự án động lực giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn 2050, phù hợp nguồn lực và thực tiễn địa phương.
- Tổ chức không gian, sử dụng đất hợp lý, khắc phục các bất cập về hạ tầng, phát triển nông thôn, công nghiệp, dịch vụ.
- Quy hoạch hạ tầng đồng bộ, có chọn lọc, kế thừa hệ thống hiện có, đáp ứng yêu cầu phát triển dài hạn.
- Hài hòa phát triển với bảo tồn, gắn kinh tế với văn hóa, cảnh quan, du lịch, môi trường và thích ứng BĐKH.
- Định hướng phát triển các ngành chủ lực, gắn với bảo đảm **QP– AN** và ổn định xã hội.

CẬP NHẬT ĐỊNH HƯỚNG QH TỈNH

Bảng 12: Danh mục các dự án nguồn điện trong quy hoạch tỉnh

(Nguồn: Điều chỉnh QH tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050)

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng (xã)	CS phê duyệt chủ trương đầu tư (MW)	CS Quy hoạch đến 2030 (MW)	Ghi chú
A	**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐÃ PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ**			**1637,1**	
I	**Dự án đã vận hành phát điện**			**1629,6**	
1	Lai Châu	Nậm Hàng	1200	1600	
2	Huổi Văn	Nậm Hàng	8	10,6	
3	Nậm Cuổi 1	Lê Lợi, Nậm Hàng	19	19	
II	**Các dự án thủy điện đang triển khai dự kiến vận hành trong giai đoạn đến 2030**			**7,5**	
1	Nậm Cuổi 1B	Nậm Hàng	7,5	7,5	Điều chỉnh địa điểm theo đơn vị hành chính mới
B	**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẬP NHẬT VÀO QUY HOẠCH TỈNH**			**178,8**	
I	**Thủy điện**			**58,8**	
1	Nậm Pồ 1	Nậm Hàng		6,5	Điều chỉnh địa điểm theo đơn vị hành chính mới, chuẩn xác lại tên dự án đã được BCT
2	Nậm Nhuần	Nậm Hàng		3,6	Điều chỉnh địa điểm theo đơn vị hành chính mới
3	Huổi Chát	Nậm Hàng		12	
4	Nậm Pồ 2	Nậm Hàng		9	
5	Nậm Cuổi 2B	Lê Lợi, Nậm Hàng		5	
6	Nậm Dần	Nậm Hàng		5,2	
7	Hồi Đao	Nậm Hàng		12,5	
8	Nậm Pồ	Nậm Hàng		5	
II	**Điện mặt trời**			**120**	
10	ĐMT nổi trên hồ TĐ Lai Châu *(Hồ thủy điện Lai Châu)*	Nậm Hàng		120	
C	**Tổng công suất (A+B)**			**1815,9**	

Bảng 13: Danh mục các dự án điện tiềm năng, phục vụ tăng trưởng kinh tế trên 10%

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng (xã)	Quy mô công suất (MW)
I	**Điện mặt trời *(05 dự án)***		**398,98**
1	Điện mặt trời Nậm Nhùn 1 *(Hồ thủy điện Lai Châu)*	Nậm Hàng	49,99
2	Điện mặt trời Nậm Nhùn 2 *(Hồ thủy điện Lai Châu)*	Nậm Hàng, Mường Mô	49,99
3	Điện mặt trời Sông Đà *(Hồ thủy điện Lai Châu)*	Nậm Hàng, Mường Mô	200
4	Điện mặt trời Nậm Hàng 1	Nậm Hàng	49,5
5	Điện mặt trời Nậm Hàng 2	Nậm Hàng	49,5

Bảng 11: Phương án phát triển mạng lưới giao thông tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 liên quan đến xã Nậm Hàng

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến tối thiểu		Ghi chú
				Đến 2030	Đến 2050	
I	**Đường tỉnh hiện có cải tạo, nâng cấp**					
1	Đường tỉnh 126	Xã Mường Mô	Thuỷ điện Lai Châu, xã Nậm Hàng	GTNT A, VI	Cấp IV-V	
2	Đường tỉnh 127	Ngã 3 Lai Hà, xã Lê Lợi	Xã Bum Tở	Cấp III-V	Cấp III - IV	
II	**Đường tỉnh mới phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh**					
2	Đường kết nối bản Huổi Van, xã Nậm Hàng đến Cầu Pá Bon, xã Lê Lợi	Xã Nậm Hàng	Quốc lộ 12, xã Lê Lợi	GTNT	Cấp V-VI	
3	Đường liên vùng Bum Tở - Bum Nưa - Hua Bum - Nậm Hàng - Lê Lợi	Xã Bum Tở, Xã Hua Bum	Xã Nậm Hàng, xã Lê Lợi	GTNT	Cấp V-VI	

(Nguồn: Điều chỉnh quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050)

-Thủy lợi: Quy hoạch công trình thủy lợi Nậm Manh công suất tưới 100 ha vụ

- Môi trường: Quy hoạch cơ sở xử lý chất thải rắn cấp xã Nậm Hàng quy mô khoảng 5–7 ha và nghĩa trang xã Nậm Hàng diện tích khoảng 10 ha theo định hướng Quy hoạch tỉnh Lai Châu,

Made with GAMMA

04 TÍNH CHẤT, VAI TRÒ, ĐỘNG LỰC, DỰ BÁO PHÁT TRIỂN

4.1 TÍNH CHẤT, VAI TRÒ, ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN

TÍNH CHẤT

- Trung tâm năng lượng tái tạo và công nghiệp hỗ trợ gắn với cụm thủy điện lưu vực sông Đà; phát triển theo định hướng đô thị công nghiệp năng lượng, là đầu mối điều phối và cung cấp dịch vụ hậu cần cho các dự án năng lượng trong khu vực.
- Trung tâm hành chính – dịch vụ và giao thương khu vực, gắn với phát triển nông – lâm nghiệp hàng hóa, chế biến nông lâm sản và du lịch sinh thái – cộng đồng.
- Khu vực sinh thái và phòng hộ đầu nguồn quan trọng, bảo vệ rừng, đảm bảo an ninh nguồn nước lưu vực sông Đà và giữ vai trò chiến lược về quốc phòng – an ninh khu vực Tây Bắc.

VAI TRÒ CỦA XÃ NẬM HÀNG ĐỐI VỚI TỈNH LAI CHÂU

- Hạt nhân đô thị công nghiệp năng lượng, từng bước hình thành trung tâm điều phối và dịch vụ hậu cần phục vụ hệ thống thủy điện và các dự án năng lượng trên sông Đà
- Khu vực có vai trò quan trọng trong bảo vệ rừng đầu nguồn, an ninh sinh thai và an ninh nguồn nước
- Không gian phát triển kinh tế tổng hợp gắn với lâm nghiệp, nông nghiệp hàng hoá dược liệu..
- Điểm kết nối giao thông và dịch vụ của khu vực với hệ thống giao thông đường bộ và đường thủy từng bước được đầu tư, thúc đẩy phát triển KT-XH

Made with GAMMA

4.1 TÍNH CHẤT, VAI TRÒ, ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN

ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN

1. **Nông – lâm nghiệp xanh, bền vững:** Phát triển NN hàng hóa đa giá trị; hình thành vùng sản xuất tập trung lúa gạo chất lượng cao tại bản Nậm Cầy, Nậm Dòn, cây ăn quả (xoài, dứa), quế và cây dược liệu. Phát triển lâm nghiệp bền vững gắn kinh tế dưới tán rừng; trồng mới khoảng 300 ha tre Bát độ lấy măng và cây gỗ lớn; thu hút doanh nghiệp chế biến măng, quế và nông – lâm sản (đã có dự án trồng tre gắn nhà máy chế biến măng xuất khẩu được nghiên cứu, khảo sát).
2. **Tài nguyên năng lượng và công nghiệp:** Trên địa bàn có Thủy điện Lai Châu và các công trình thủy điện đã vận hành; đồng thời còn có các dự án thủy điện theo quy hoạch và tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo, đặc biệt là điện mặt trời theo quy hoạch; tạo nguồn thu ngân sách ổn định và nền tảng phát triển công nghiệp phụ trợ, công nghiệp chế biến nông – lâm sản, dược liệu tại chỗ.
3. **Du lịch sinh thái và du lịch cộng đồng**: Phát triển du lịch dựa trên cảnh quan lòng hồ thủy điện, hệ sinh thái tự nhiên và không gian cư trú đa dạng các dân tộc; khai thác bản làng văn hóa, lễ hội đua thuyền đuôi én và lễ hội dân gian các dân tộc, gắn với dịch vụ và kinh tế cộng đồng.
4. **Cơ chế, chính sách:** Tận dụng các Chương trình mục tiêu quốc gia cho vùng miền núi, vùng DTTS; đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân; khuyến khích xã hội hóa, liên kết sản xuất – tiêu thụ và đầu tư theo hình thức PPP.

Tổng kết: Động lực phát triển xã Nậm Hàng là sự cộng hưởng giữa tài nguyên thiên nhiên, bản sắc văn hóa, hệ thống năng lượng và cơ chế chính sách hỗ trợ vùng miền núi, vùng DTTS.

Made with GAMMA

4.2 DỰ BÁO QUY MÔ DÂN SỐ, LAO ĐỘNG, ĐẤT ĐAI

❖ **Xu hướng:**

•Qua đánh giá số liệu biến động dân số từ năm 2021 – 2025, cho thấy dân số xã Nậm Hàng có xu hướng tăng. Dự kiến đến năm 2045 tỷ lệ tăng dân số tự nhiên và cơ học khoảng 1,45 % và duy trì ổn định qua các năm

•Quy mô dân số:

•**Năm 2030:** ~ 12.240 người (≈ 2.926 hộ),

•**Năm 2045:** ~ 16.470 người (≈ 3.938 hộ), tăng chủ yếu tại khu vực có hạ tầng thuận lợi.

❖ **Quy mô lao động:**

✓ Năm 2030: ~ 7.780 lao động.

✓ Năm 2045: ~ 10.470 lao động.

❖ **Định hướng:**

•**Chuyển dịch cơ cấu lao động**: giảm nông nghiệp, tăng dịch vụ – thương mại biên giới – TTCN.

•**Tăng cường đào tạo nghề**, nâng cao kỹ năng cho lao động, đặc biệt lao động trẻ và đồng bào dân tộc.

4.2 CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT

NỘI DUNG	CHỈ TIÊU
I. CHỈ TIÊU CÁC LOẠI ĐẤT	
	- Chỉ tiêu sử dụng đất: ≥ 25 m^2/người. - Đối với hộ nông nghiệp:≤ 400 m^2/hộ. - Đối với hộ phi nông nghiệp:≥ 120 m^2/hộ.
2. Cây xanh công cộng	- Chỉ tiêu sử dụng đất: ≥ 2 m^2/người
II. CHỈ TIÊU HẠ TẦNG XÃ HỘI	
1. Công sở cấp xã	- Diện tích đất xây dựng:≥ 1.000 m^2. - Trụ sở được xây dựng tối đa 3 tầng. - Diện tích sử dụng cho cây xanh ≥ 30%.
2. Nhà trẻ, trường mầm non	- Bán kính phục vụ:≤ 2 km. - Diện tích xây dựng công trình:≤ 40%. - Diện tích đất xây dựng:≥ 12 m^2/học sinh. - Quy mô lớp ≥ 20 trẻ nhà trẻ/nhóm lớp; ≥ 25 trẻ mẫu giáo/ lớp. Trường hợp có 12 cháu/1 độ tuổi thì ghép lớp.
3. Trường tiểu học	- Bán kính phục vụ:≤ 2 km. - Diện tích xây dựng công trình:≤ 40%. - Diện tích đất xây dựng:≥ 10 m^2/học sinh. - Quy mô lớp:≥ 25 học sinh/ lớp.
4. Trường THCS	- Diện tích xây dựng công trình:≤ 45%. - Diện tích đất xây dựng:≥ 10 m^2/học sinh. - Quy mô trường:≤ 45 lớp/trường - Quy mô lớp: ≥ 34 học sinh/ lớp.
5. Trường THPT	- Diện tích xây dựng công trình:≤ 45%. - Diện tích đất xây dựng:≥ 10 m^2/học sinh. - Quy mô trường:≤ 45 lớp/trường - Quy mô lớp: ≥ 34 học sinh/ lớp.
6. Trạm y tế xã	- Diện tích đất: + Không có vườn thuốc:≥ 500 m^2 + Có vườn thuốc:≥ 1.000 m^2 - Diện tích xây dựng và sử dụng của khối nhà chính:≥ 250 m^2
7. Trung tâm văn hóa - thể thao	- Diện tích nhà văn hóa xã hoặc hội trường đa năng:≥ 200 m^2 - Diện tích Khu thể thao (chưa tính sân vận động):≥ 500 m^2 - Diện tích Nhà văn hóa thôn bản:≥ 100 m^2 - Diện tích điểm vui chơi, giải trí và thể thao:≥ 200 m^2/ điểm
8. Chợ	- Quy mô diện tích: Từ 2000 m^2 đến 3000 m^2/chợ - Diện tích đất XD:≥12 m^2/điểm kinh doanh - Diện tích xây dựng nhà chợ chính:≤ 40%.
9. Điểm phục vụ bưu chính viễn thông	- Mỗi xã phải có ít nhất một điểm phục vụ bưu chính viễn thông, bán kính phục vụ ≤ 3 km. - Diện tích đất xây dựng:≥ 150 m^2/điểm

NỘI DUNG	CHỈ TIÊU
I. CHỈ TIÊU CÁC LOẠI ĐẤT	
	- Chỉ tiêu sử dụng đất: ≥ 25 m^2/người. - Đối với hộ nông nghiệp:≤ 400 m^2/hộ. - Đối với hộ phi nông nghiệp:≥ 120 m^2/hộ.
2. Cây xanh công cộng	- Chỉ tiêu sử dụng đất: ≥ 2 m^2/người
II. CHỈ TIÊU HẠ TẦNG XÃ HỘI	
1. Công sở cấp xã	- Diện tích đất xây dựng:≥ 1.000 m^2. - Trụ sở được xây dựng tối đa 3 tầng. - Diện tích sử dụng cho cây xanh ≥ 30%.
2. Nhà trẻ, trường mầm non	- Bán kính phục vụ:≤ 2 km. - Diện tích xây dựng công trình:≤ 40%. - Diện tích đất xây dựng:≥ 12 m^2/học sinh. - Quy mô lớp ≥ 20 trẻ nhà trẻ/nhóm lớp; ≥ 25 trẻ mẫu giáo/ lớp. Trường hợp có 12 cháu/1 độ tuổi thì ghép lớp.
3. Trường tiểu học	- Bán kính phục vụ:≤ 2 km. - Diện tích xây dựng công trình:≤ 40%. - Diện tích đất xây dựng:≥ 10 m^2/học sinh. - Quy mô lớp:≥ 25 học sinh/ lớp.
4. Trường THCS	- Diện tích xây dựng công trình:≤ 45%. - Diện tích đất xây dựng:≥ 10 m^2/học sinh. - Quy mô trường:≤ 45 lớp/trường - Quy mô lớp: ≥ 34 học sinh/ lớp.
5. Trường THPT	- Diện tích xây dựng công trình:≤ 45%. - Diện tích đất xây dựng:≥ 10 m^2/học sinh. - Quy mô trường:≤ 45 lớp/trường - Quy mô lớp: ≥ 34 học sinh/ lớp.
6. Trạm y tế xã	- Diện tích đất: + Không có vườn thuốc:≥ 500 m^2 + Có vườn thuốc:≥ 1.000 m^2 - Diện tích xây dựng và sử dụng của khối nhà chính:≥ 250 m^2
7. Trung tâm văn hóa - thể thao	- Diện tích nhà văn hóa xã hoặc hội trường đa năng:≥ 200 m^2 - Diện tích Khu thể thao (chưa tính sân vận động):≥ 500 m^2 - Diện tích Nhà văn hóa thôn bản:≥ 100 m^2 - Diện tích điểm vui chơi, giải trí và thể thao:≥ 200 m^2/ điểm
8. Chợ	- Quy mô diện tích: Từ 2000 m^2 đến 3000 m^2/chợ - Diện tích đất XD:≥12 m^2/điểm kinh doanh - Diện tích xây dựng nhà chợ chính:≤ 40%.
9. Điểm phục vụ bưu chính viễn thông	- Mỗi xã phải có ít nhất một điểm phục vụ bưu chính viễn thông, bán kính phục vụ ≤ 3 km. - Diện tích đất xây dựng:≥ 150 m^2/điểm

Made with GAMMA

4.3 DỰ BÁO RỦI RO THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Hiện tượng khí hậu cực đoan

- ✓ Nhiệt độ tăng nhưng vẫn xuất hiện rét đậm, rét hại bất thường, ảnh hưởng sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi.
- ✓ Mưa phân bố thất thường, mưa lớn tập trung mùa mưa gây lũ quét, sạt lở; mùa khô có nguy cơ thiếu nước cục bộ.
- ✓ Dông lốc, sét, mưa đá xảy ra thường xuyên, gây hư hại nhà ở và công trình.

2. Rủi ro thiên tai địa chất – thủy văn

Do địa hình đồi núi cao, độ dốc lớn nên thường xuyên xuất hiện các hiện tượng đất đai bị xói mòn, rửa trôi, gây sạt lở đất và tiềm ẩn nguy cơ lũ quét khi xuất hiện mưa lớn cục bộ. Tại các bản Nậm Ty, Nậm Manh,…

3. Tác động đến phát triển KT–XH

- ✓ Nông – lâm nghiệp: giảm năng suất, tăng rủi ro đối với cây dược liệu , thiệt hại chăn nuôi.
- ✓ Hạ tầng kỹ thuật: hư hỏng giao thông, điện, thủy lợi, công trình cấp nước.
- ✓ An sinh xã hội: gia tăng rủi ro cho dân cư vùng dốc, nguy cơ nghèo và tái nghèo.

4. Định hướng thích ứng trong quy hoạch

- ✓ Bố trí lại dân cư khỏi khu vực nguy cơ cao; tái định cư hoặc sắp xếp xen ghép.
- ✓ Bảo vệ, phát triển rừng để chống xói mòn, điều tiết nước.
- ✓ Gia cố hạ tầng: kè chống sạt lở, ổn định taluy, nâng cấp thoát nước – thủy lợi.
- ✓ Tăng cường dự báo, cảnh báo sớm lũ quét, thiên tai bằng hệ thống quan trắc và CNTT.

Made with GAMMA

05 ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH

NẬM HÀNG– HẠT NHÂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

- “**Hạt nhân năng lượng tái tạo”** thể hiện định hướng phát triển chủ đạo của xã trong tương lai, với vai trò trung tâm điều phối, cung cấp dịch vụ và hậu cần cho các tổ hợp thủy điện và các dự án năng lượng trên lưu vực sông Đà. Trên cơ sở đó, Nậm Hàng từng bước hình thành không gian phát triển đa ngành, kết hợp nông nghiệp hàng hóa gắn với điều kiện sinh thái, công nghiệp chế biến quy mô phù hợp và du lịch sinh thái – du lịch cộng đồng gắn với bản sắc văn hóa các dân tộc.

5.2 PHƯƠNG ÁN PHÂN VÙNG PHÁT TRIỂN

(1) Vùng I: Trung tâm phát triển tiểu thủ công nghiệp – dịch vụ và năng lượng.

- ***Phạm vi:*** Khu vực trung tâm xã và các khu vực phụ cận dọc trục ĐT.127, mở rộng đến các vùng ven lòng hồ thủy điện; diện tích khoảng 4.169,62 ha, chiếm 12,43% diện tích toàn xã, bao gồm trung tâm hành chính, các bản dọc trục giao thông chính và khu vực mặt nước lòng hồ.

- Chức năng – tiềm năng chủ đạo

+ Trung tâm hành chính, thương mại, đô thị, dịch vụ hậu cần (logistics).
+ Sản xuất năng lượng tái tạo (thủy điện, điện mặt trời).
+ Tiểu thủ công nghiệp và chế biến nông lâm sản tập trung.

- Định hướng và phương án phát triển:

+ Hạ tầng: Ưu tiên nâng cấp trục ĐT.127 và hệ thống đường kết nối các cụm sản xuất; phát triển mạng lưới điện trung thế phục vụ sản xuất công nghiệp.

+ Dân cư: Phát triển theo mô hình đô thị nông thôn, mật độ cao hơn các khu vực khác, tập trung các công trình hạ tầng xã hội cấp xã như trường học, trạm y tế, chợ.

+ Kinh tế: Thu hút đầu tư các nhà máy chế biến tinh dầu quế, măng xuất khẩu; lắp đặt hệ thống điện mặt trời trên các diện tích đất đồi dốc, khu vực có bức xạ nhiệt cao. Phát triển dịch vụ logistic và trung chuyển hàng hóa;

+ Xây dựng điểm du lịch sinh thái văn hóa cộng đồng người Thái tại TDP Nậm Nhùn gắn với lễ hội đua thuyền đuôi én và các hoạt động thể thao dưới nước.

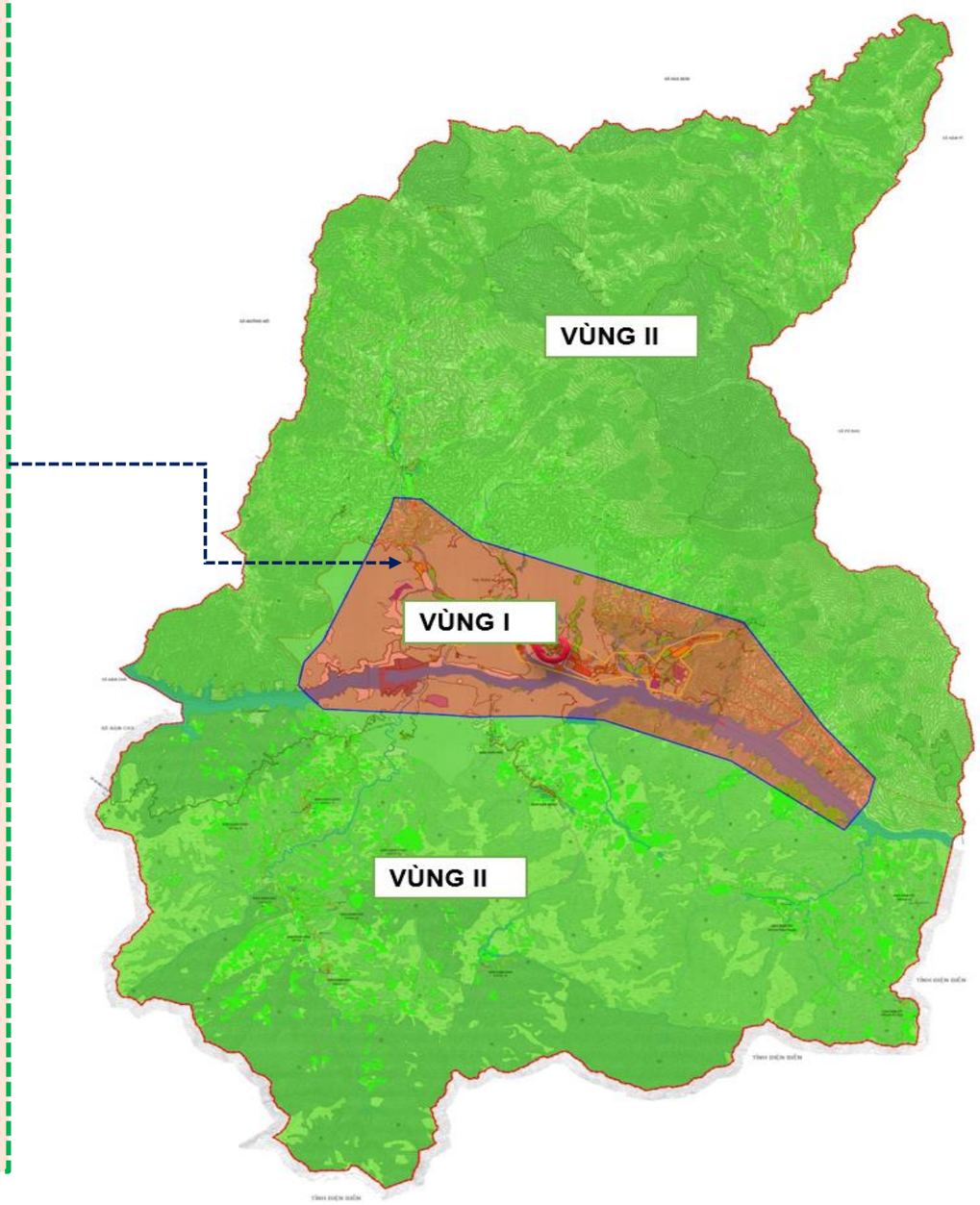

5.2 PHƯƠNG ÁN PHÂN VÙNG PHÁT TRIỂN

(2) Vùng II: Vùng phát triển nông lâm nghiệp bền vững

- Phạm vi: bao gồm các bản vùng cao và các khu vực có địa hình đồi núi dốc, chủ yếu thuộc xã Nậm Manh và Nậm Hàng cũ, tập trung vào mô hình kinh tế nông lâm kết hợp gắn với bảo vệ sinh thái. Diện tích khoảng 29.360,5 ha chiếm 87,56% diện tích toàn xã.

- Chức năng – tiềm năng chủ đạo

+ Sản xuất nông nghiệp hàng hóa xanh (Quế, Tre, cây ăn quả).
+ Kinh tế dược liệu dưới tán rừng (Sa nhân, Thảo quả) và bảo vệ rừng sinh thái.
+ Du lịch sinh thái cộng đồng gắn với bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc.

- Định hướng và phương án phát triển:

+ Hạ tầng: Đầu tư hoan thiện hạ tầng phục vụ phát triển, sản xuất
+ Dân cư: Ổn định các điểm dân cư bản hiện hữu, thực hiện sắp xếp lại các hộ dân ở khu vực có nguy cơ sạt lở, lũ quét đến nơi an toàn. Bảo tồn kiến trúc nhà sàn truyền thống để khai thác du lịch.

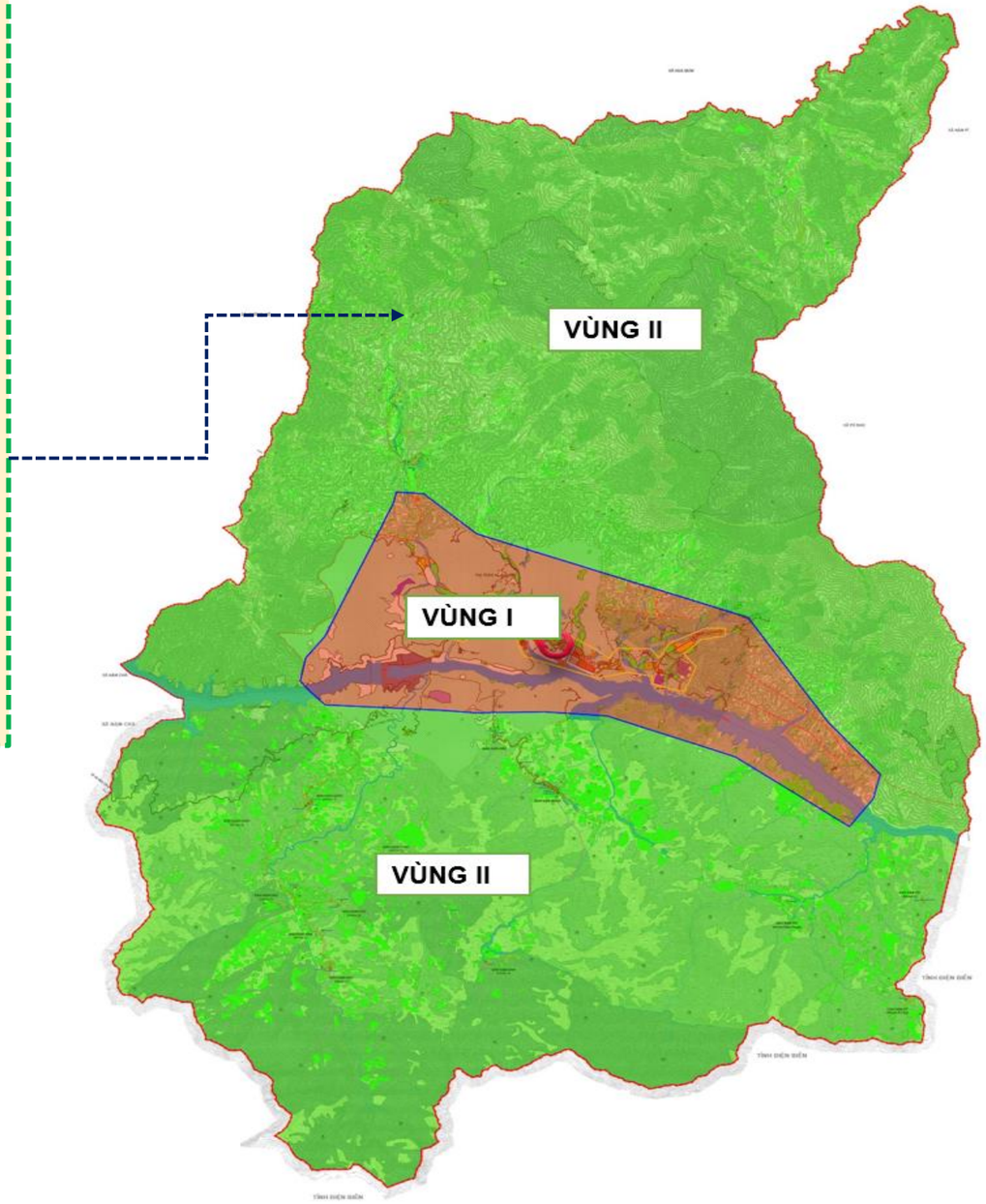

5.3 ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH KHU TRUNG TÂM XÃ

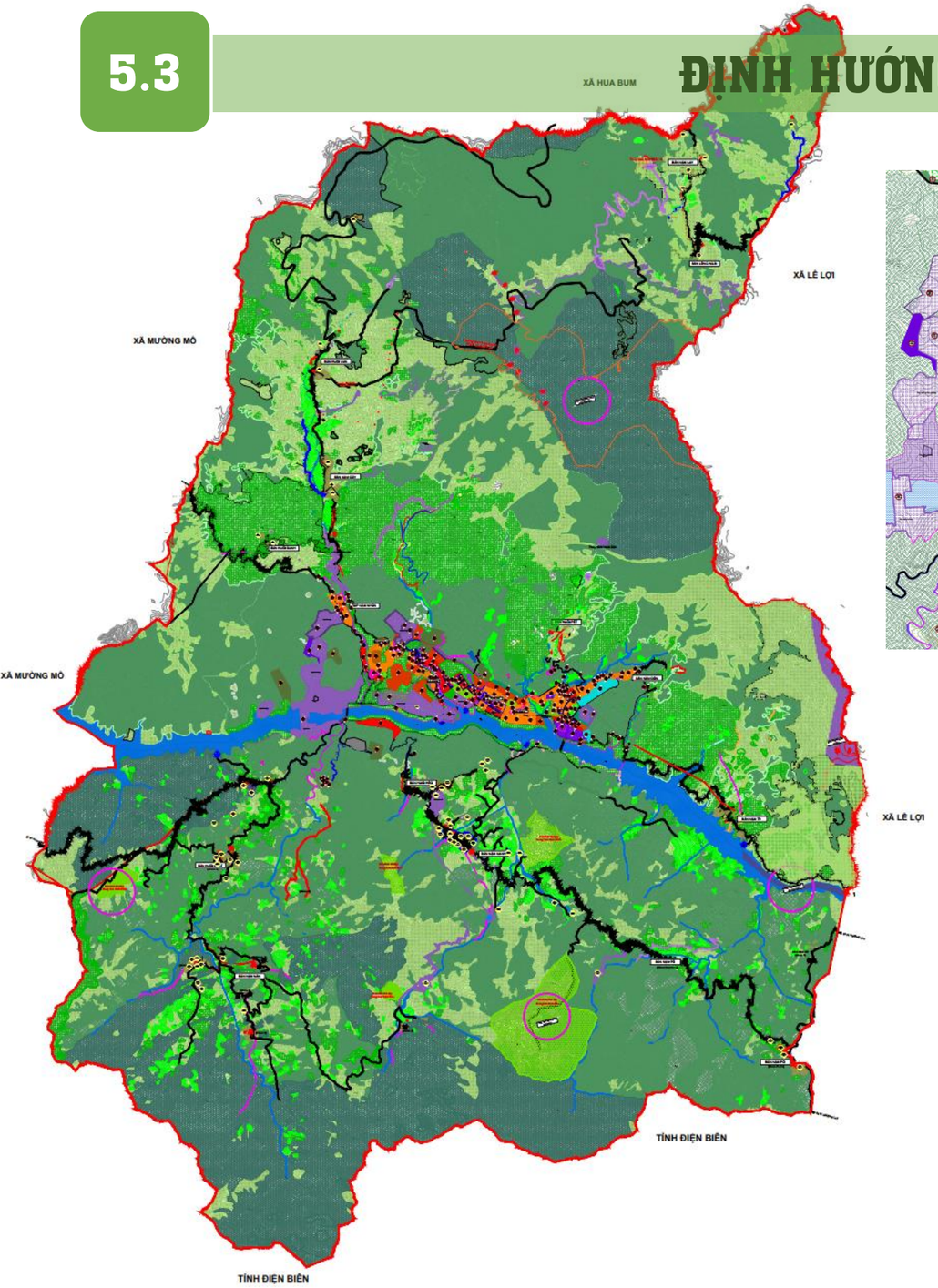

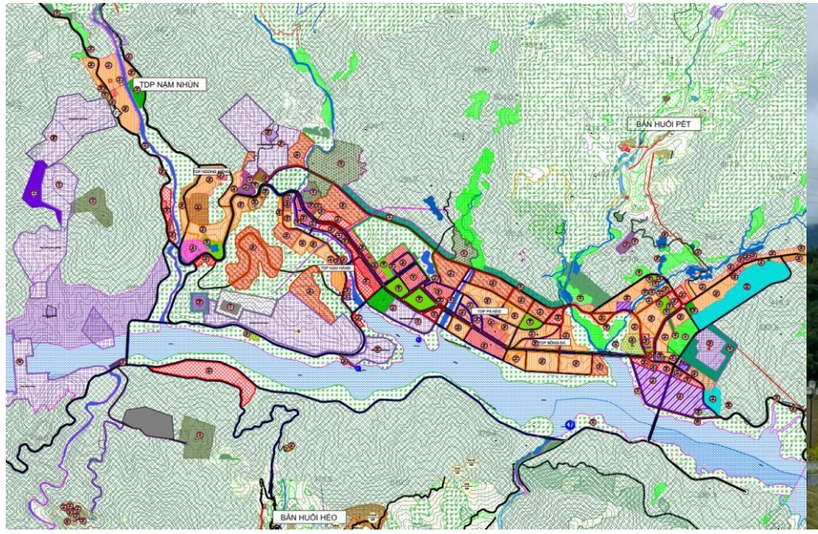

Trung tâm hành chính: Kế thừa trụ sở Huyện ủy – HĐND – UBND huyện Nậm Nhùn (cũ), đã được đầu tư đồng bộ về quy mô, kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật, tổ chức theo mô hình trung tâm hành chính tập trung, cơ sở vật chất cơ bản hoàn chỉnh. Tiếp tục duy trì, khai thác ổn định, đáp ứng tốt yêu cầu hoạt động và định hướng phát triển trung tâm xã trong giai đoạn quy hoạch tới.

Made with GAMMA

5.4 PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ DÂN CƯ

- **Ổn định tại chỗ, mở rộng quỹ đất ở**:
  05 TDP; các bản Nậm Dòn, Huổi Van, Huổi Đanh, Nậm Cầy, Lồng Ngài, Nậm Lay, Nậm Nàn (một phần), bảo đảm ổn định lâu dài, gắn nâng cấp hạ tầng.
- **Sắp xếp, di dời cục bộ do nguy cơ thiên tai / dân cư phân tán**:
  Huổi Pết, Nậm Ty (một phần), Nậm Manh (nhóm 2, 3), Huổi Héo, Nậm Nàn (một phần) → bố trí về khu vực an toàn, thuận lợi giao thông.
- **Định hướng phát triển du lịch cộng đồng gắn tái tổ chức dân cư**:
  TDP Nậm Nhùn (du lịch cộng đồng dân tộc Thái); bản Huổi Chát (du lịch văn hóa dân tộc Mông).
- **Nguyên tắc chung**:
  Ưu tiên an toàn thiên tai, sử dụng đất tiết kiệm – hiệu quả; tổ chức lại không gian dân cư gắn hạ tầng, du lịch và bảo tồn bản sắc.

5.5 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH KINH TẾ - NÔNG LÂM NGHIỆP

Cây lương thực (lúa, ngô):

•Diện tích lúa tập trung tại bãi 1, bãi 2 bản Nậm Manh; bãi Nậm Pang (bản Nậm Pồ); bãi Nậm Ty; các bản Nậm Cầy, Huổi Pết, Nậm Dòn. ***Định hướng duy trì ổn định diện tích lúa, áp dụng giống năng suất cao, cơ giới hóa và từng bước mở rộng lúa nước tại khu vực có nguồn nước thủy lợi.***

•Chuyển đổi một phần đất lúa kém hiệu quả tại đất ruộng 1 vụ, đất chưa sử dụng sang trồng ngô, khoai và cây hàng năm khác. Phát triển thanh vung sản xuất, đưa các giống CLC, áp dụng biện pháp thâm canh vào sản xuất. Chủ yếu tại các bản Nậm Manh, Nậm Nàn, Nậm Pồ, Huổi Chát, Nậm Ty, Nậm Cầy và Nậm Dòn.

•Cây ăn quả, dược liệu, cây công nghiệp:

•Duy trì 762 ha cao su hiện có.

•Phát triển cây lâm sản, dược liệu tại Nậm Manh, Huổi Héo, Huổi Chát, Huổi Pết, Nậm Dòn; cây dược liệu gồm sa nhân 33,6 ha, thảo quả 26 ha tại bản Nậm Lay, bản Lồng Ngài; trên 108 ha cây ăn quả.

•Triển khai dự án trồng tre Bát độ lấy măng xuất quy mô khoảng 300 ha. tại các bản, TDP: Pá Kéo, Nậm Hàng, Noong Kiêng, Nậm Nhùn, Nậm Dòn, Nậm Cầy và Huổi Héo)

• Chuyển đất chưa sử dụng, nương rẫy kém hiệu quả sang vùng cây ăn quả tại Huổi Pết, Nậm Dòn, Nậm Manh, Huổi Héo, Huổi Chát, Nậm Pồ và Nậm Ty; phát triển vùng dược liệu tại Nậm Manh, Huổi Héo, Huổi Chát, Huổi Pết, Nậm Dòn, Nậm Ty.

•Sản phẩm OCOP:

•Phát triển các sản phẩm chủ lực: Cao cà gai leo, Trà cà gai leo, Mật ong sông Đà, bí xanh, bí đỏ, các loại nấm; định hướng 100% sản phẩm có liên kết tiêu thụ ổn định thông qua HTX và doanh nghiệp.

5.5 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH KINH TẾ - NÔNG LÂM NGHIỆP

CHĂN NUÔI

•Chăn nuôi đại gia súc tập trung tại Huổi Văn, Huổi Đanh, Huổi Pết, Nậm Manh, Huổi Chát, Nậm Nàn, Huổi Héo, Nậm Pồ; định hướng chuyển từ thả rông sang chăn nuôi tập trung, phát triển trang trại, gia trại gắn với an toàn sinh học.

•Liên kết cộng đồng: Phát triển mô hình nhóm hộ; ưu tiên lợn đen, bò, dê, ngựa bạch; chuyển từ chăn nuôi sức kéo sang sản xuất hàng hóa. Phấn đấu đến năm 2030: 100% trang trại và 25,8% hộ chăn nuôi cá thể có hệ thống xử lý chất thải đạt yêu cầu.

•Bãi chăn thả tập trung: Hình thành tại khu vực xã Nậm Manh cũ (Nậm Manh, Huổi Chát, Nậm Nàn, Huổi Héo, Nậm Pồ) và xã Nậm Hàng cũ (Huổi Văn, Huổi Đanh, Huổi Pết).

•Gia cầm: Phát triển chăn nuôi quy mô vừa và nhỏ theo hướng tập trung, gắn với gà đồi, gà đen.

THỦY SẢN

Khai thác lợi thế lòng hồ thủy điện, tập trung tại Nậm Ty, Nậm Dòn, Nậm Cầy, TDP Pá Kéo; phấn đấu sản lượng 134 tấn/năm vào 2030 (khai thác 109 tấn, nuôi trồng 25 tấn); tăng cường quản lý, bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

5.5 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH KINH TẾ - NÔNG LÂM NGHIỆP

- ***Bảo vệ rừng***: Bảo vệ toàn bộ diện tích rừng hiện có, gắn với chi trả dịch vụ môi trường rừng và các cơ chế, chính sách cho thuê môi trường rừng trong thời kỳ quy hoạch.
- ***Khoanh nuôi tái sinh:*** Thực hiện khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên tại khu vực địa hình hiểm trở, độ dốc >60%, không có đường giao thông, không có khả năng trồng mới.
- ***Trồng rừng sản xuất:*** Trồng mới trên 300 ha rừng sản xuất từ nguồn NSNN, nâng tỷ lệ che phủ rừng lên 55% (hiện 54,21%); thu hút dự án trồng sa mộc, quế, tre… tại Nậm Cầy, Nậm Ty, Nậm Manh, Huổi Chát, Huổi Héo, gắn với khai thác quỹ đất chưa sử dụng để phát triển kinh tế.

Made with GAMMA

5.5 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH KINH TẾ - CÔNG NGHIỆP- TTCN

CÔNG NGHIỆP ĐIỆN:

Theo Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021–2030, xã Nậm Hàng được xác định là hạt nhân phát triển năng lượng của tỉnh, phát triển đồng bộ thủy điện và năng lượng tái tạo trên lưu vực sông Đà. Trên địa bàn đã vận hành các nhà máy Thủy điện Lai Châu (1.200 MW), Huổi Văn (8 MW), Nậm Cuổi 1 (19 MW); tổng công suất các dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư và đã vận hành phát điện đạt khoảng 1.637,1 MW, và và tổng công suất các dự án năng lượng được phê duyệt, cập nhật vào quy hoạch đến năm 2030 đạt khoảng 1.815,9 MW.

Trong giai đoạn tới, tiếp tục khai thác hợp lý tiềm năng thủy điện thông qua việc hoàn thiện và phát triển các dự án thủy điện nhỏ như Nậm Pồ 1, Nậm Nhuần, Huổi Chát, Nậm Pồ 2, Nậm Cuổi 2B, Nậm Dần, Hồi Đao, Nậm Pồ, với tổng công suất khoảng 58,8 MW. Đồng thời, định hướng phát triển điện mặt trời nổi trên hồ thủy điện Lai Châu với công suất khoảng 120 MW (theo quy hoạch tỉnh) và điện mặt trời mặt đất Nậm Hàng 1, Nậm Hàng 2.

Bên cạnh đó, nghiên cứu phát triển các dự án điện mặt trời tại khu vực tiềm năng với tổng quy mô khoảng 398,98 MW, cùng các dự án điện mặt trời tại khu vực có bức xạ nhiệt cao các bản, tổ dân phố như Nậm Hàng, Noong Kiêng, Nậm Nhùn, Huổi Van, Huổi Pết với suất đầu tư dự kiến khoảng 1 MW/ha.

Song song với phát triển nguồn điện, từng bước hoàn thiện hạ tầng truyền tải điện, đầu tư các tuyến đường dây 110 kV và 220 kV, đảm bảo 100% số bản có điện, trên 98% hộ dân sử dụng điện lưới quốc gia, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội bền vững và chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương.

Made with GAMMA

-Công nghiệp chế biến nông lâm sản:

+ Thu hút một số doanh nghiệp đầu tư các cơ sở chế biến nông lâm sản, dược liệu khi quy mô vùng nguyên liệu đạt yêu cầu, có sản phẩm đầu vào cho chế biến ổn định, như: Chế biến măng, quế, các sản phẩm từ chăn nuôi, thủy sản công nghệ cao… nghiên cứu, khảo sát và lập dự án, ***gồm 01 dự án trồng tre gắn với nhà máy chế biến măng xuất khẩu*** và ***01 dự án nhà máy chế biến tinh dầu quế.***

- Tiểu thủ công nghiệp

+ Duy trì sản xuất các cơ sở tiểu thủ công nghiệp, cơ khí.

+ Thu hút đầu tư một số cơ sở sản xuất rượu gắn với xây dựng sản phẩm OCOP.

- **Khai thác, chế biến khoáng sản:**

+ Các mỏ vật liệu xây dựng thông thường: QH một số điểm mỏ khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường, tại các cửa suối như Nậm Nhùn.

+Mỏ đá xây dựng: QH 02 điểm mỏ đá xây dựng thông thường tại khu vực bản Huổi Chát và TDP Nậm Nhùn

-Công nghiệp sản xuất nước sạch:

+ Tiếp tục đầu tư giai đoạn 2 nhà máy cấp nước sạch Nậm Nhùn phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân.

Made with GAMMA

5.5 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH KINH TẾ- THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ - DU LỊCH

Thương mại – dịch vụ

- **Đến 2030:** Phát triển thương mại – dịch vụ gắn với du lịch và chuyển đổi số; phấn đấu **tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ đạt khoảng 380 tỷ đồng**, doanh thu vận tải **17,2 tỷ đồng**, **tỷ trọng lao động dịch vụ đạt 22%**, thu nhập bình quân trên **45 triệu đồng/người/năm**.
- **Đến 2045:** Hoàn thiện hệ thống thương mại – dịch vụ tại trung tâm xã và các tiểu vùng; dự kiến **đầu tư 01 siêu thị quy mô ~500 m²** và **02 cửa hàng xăng dầu quy mô 600–1.000 m²/công trình** (nguồn vốn ngoài ngân sách), từng bước hình thành các tuyến, điểm thương mại phù hợp quy mô dân số và phát triển kinh tế – xã hội.

DU LỊCH

- Với vị trí nằm trên chuỗi liên kết các tuyến, điểm du lịch quan trọng của khu vực Tây Bắc như tuyến: Điện Biên Phủ - Mường Lay – Thủy điện Lai Châu – lòng hồ Mường Mô - thượng nguồn sông Đà, xã Nậm Hàng có lợi thế trở thành điểm trung chuyển và điểm dừng chân trong hành trình du lịch liên vùng. Đồng thời, khu vực còn có khả năng kết nối với các điểm tham quan trong tỉnh như cao nguyên Sìn Hồ, khu du lịch sinh thái Pú Đao, di tích Đền thờ Vua Lê Thái Tổ, không gian lòng hồ thủy điện Lai Châu và các bản làng dân tộc đặc trưng.

- Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc:

+Dân tộc Thái (TDP Nậm Nhùn): Phát triển mô hình du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn kiến trúc nhà sàn truyền thống, ẩm thực đặc trưng, các loại hình văn hóa – nghệ thuật dân gian như múa xòe, hát thơ, đàn tính; hình thành và mở rộng mô hình lưu trú cộng đồng (homestay).

+Dân tộc Mông (bản Huổi Chát): Khai thác giá trị độc đáo về trang phục truyền thống, nghề thủ công, phong tục tập quán và không gian sinh hoạt văn hóa, hình thành điểm nhấn cho loại hình du lịch khám phá, trải nghiệm bản làng vùng cao.

+Tăng cường nghiên cứu, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ và thể thao truyền thống có quy mô phù hợp, mang đậm bản sắc các dân tộc; kết hợp với các điểm du lịch để tạo sản phẩm hấp dẫn,

- Phát triển du lịch lễ hội: Từng bước nâng tầm Lễ hội đua thuyền đuôi én trở thành sự kiện văn hóa – du lịch thường niên có quy mô (cấp tỉnh, cấp quốc gia), kết hợp các hoạt động thể thao dưới nước và các sinh hoạt văn hóa truyền thống, góp phần quảng bá hình ảnh địa phương và thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế.

- **Mục tiêu:**

- **Đến 2030:** hình thành các điểm du lịch cộng đồng và tuyến sinh thái lòng hồ.
- **Đến 2045:** hoàn thiện hệ thống điểm – tuyến du lịch đặc trưng, tăng liên kết vùng, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng.

Made with GAMMA

5.6 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG

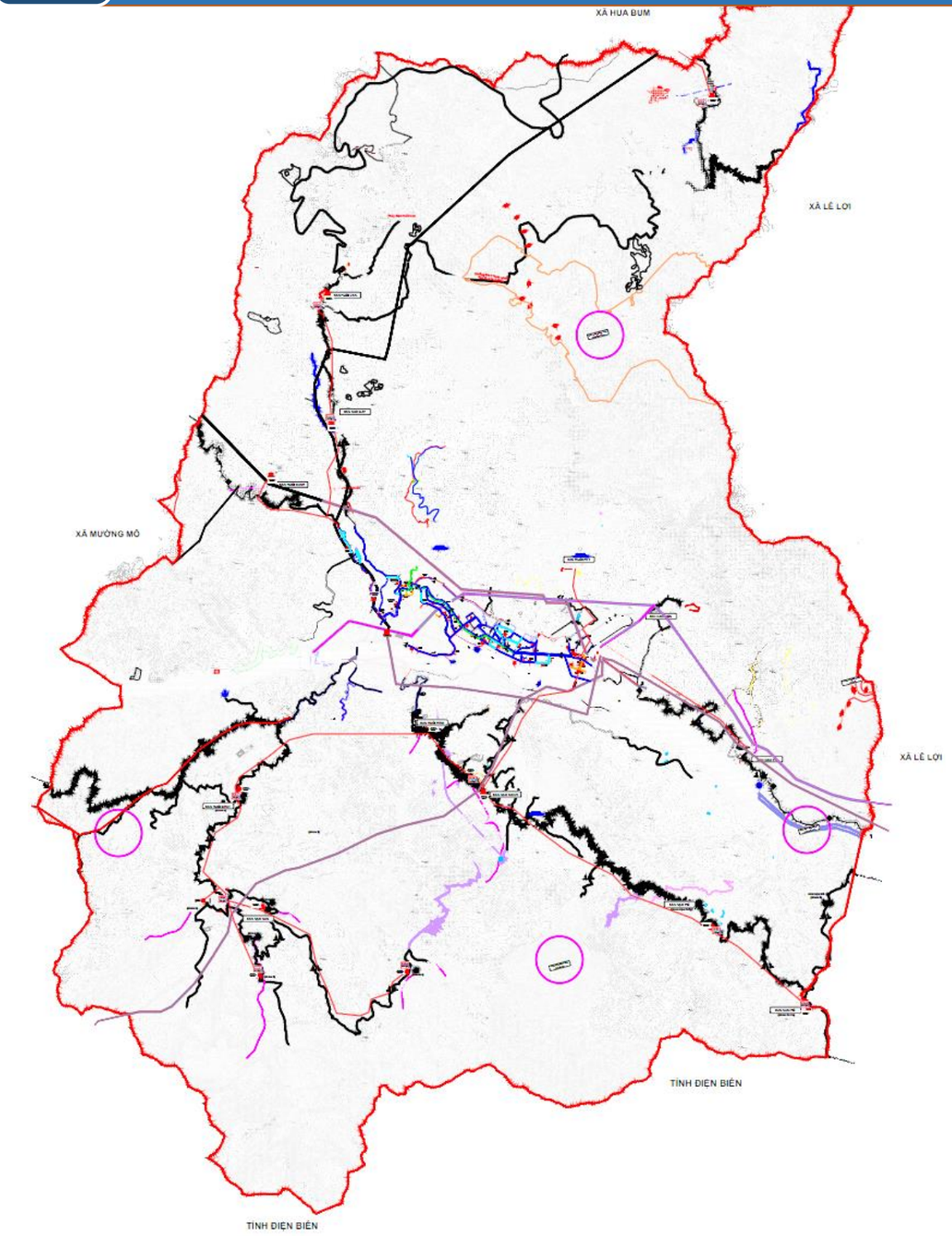

a) Đường bộ

- Giao thông đối ngoại:

(1) Nâng cấp, cải tạo ĐT.127 quy mô dự kiến đến năm 2030 đạt cấp III–V, định hướng đến năm 2050 đạt cấp III–IV.

(2) Nâng cấp, cải tạo ĐT.126 (quy hoạch): Điểm đầu tại xã Mường Mô, điểm cuối tại đập thủy điện Lai Châu thuộc xã Nậm Hàng; quy mô dự kiến đến năm 2030 đạt GTNT A – cấp VI, định hướng nâng cấp đạt cấp IV–V.

(3) Nâng cấp, cải tạo Đường kết nối bản Huổi Van – cầu Pá Bon: quy mô dự kiến đạt đường giao thông nông thôn, cấp V–VI.

(4) Quy hoạch Đường liên xã Hua Bum – Nậm Hàng quy mô dự kiến đạt đường giao thông nông thôn, cấp V–VI,

(5) Quy hoạch tuyến đường Nậm Pồ (xã Nậm Manh cũ) đi phường Mường Lay (Điện Biên) cấp IV miền núi, với chiều dài khoảng 3km;

- Giao thông đối nội: Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường xã hiện có; xây dựng các tuyến kết nối liên vùng, tuyến trục khu trung tâm, tuyến phục vụ phát triển sản xuất, du lịch và dân sinh; từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông theo tiêu chí nông thôn mới và định hướng đô thị hóa.

- Giao thông thôn, bản và nội đồng: Cải tạo, nâng cấp các tuyến hiện trạng theo quy mô phù hợp, bảo đảm kết nối thông suốt giữa trung tâm xã với các bản, khu sản xuất và khu chức năng.

- Bến xe, bãi đỗ xe: Hiện nay xã Nậm Hàng đã có 1 bến xe khách nằm cạnh chợ Nậm Nhùn với quy mô khoảng 3.900 m2. Định hướng mở rộng quy mô, diện tích đáp ứng theo tiêu chí bến xe loại 4 trở lên.

b) Đường thủy

Quy hoạch bến Nậm Hàng trên lòng hồ thủy điện Lai Châu (sông Đà), phục vụ vận chuyển hàng hóa và hành khách, tăng cường kết nối giao thông đường thủy khu vực

5.6 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

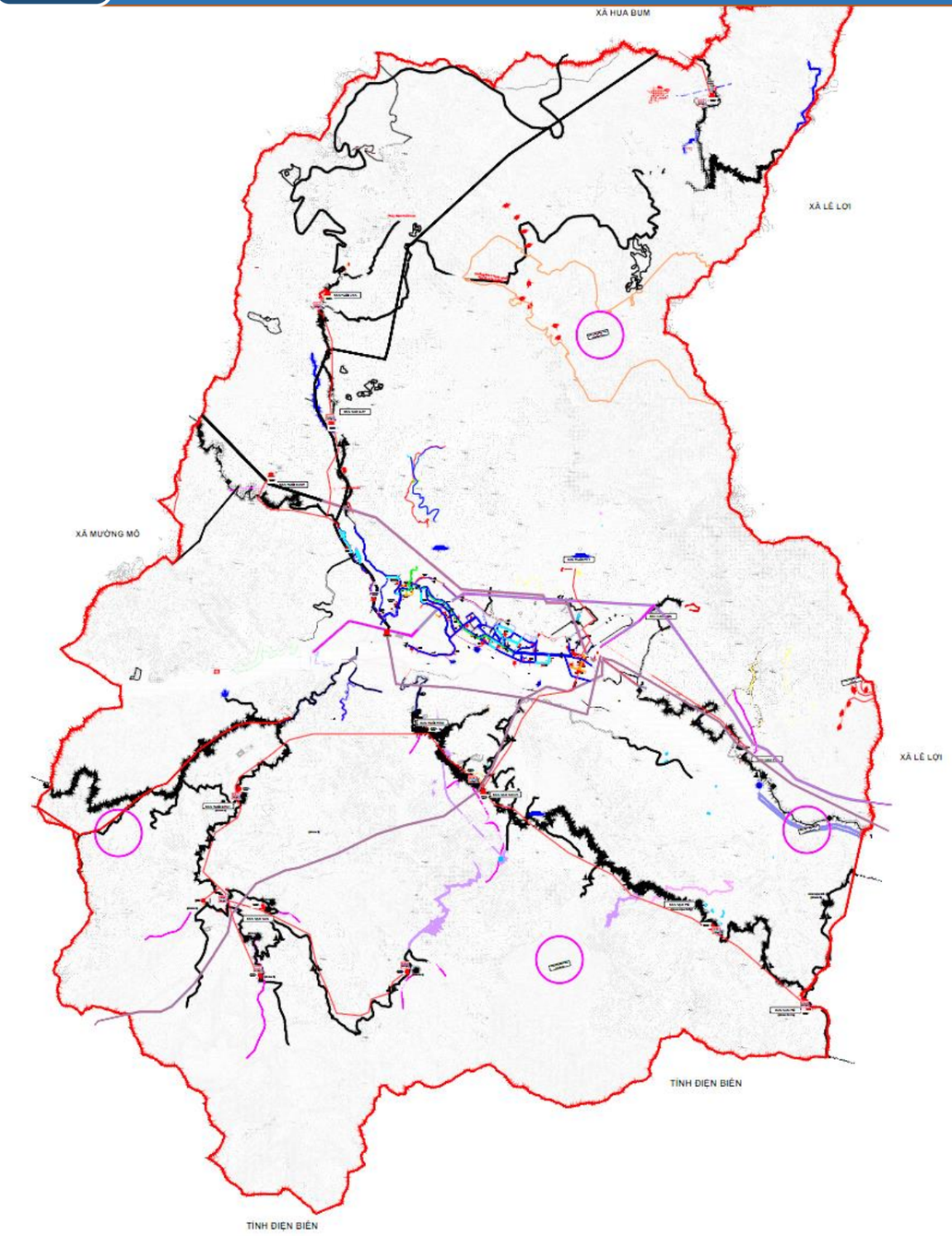

Cấp điện

- Nguồn điện cung cấp cho xã Nậm Hàng được lấy từ lưới điện Quốc Gia thông qua trạm biến áp cao thế 110/35/6kV Thủy điện Lai Châu - 1x25MVA.

- Duy trì, cải tạo hệ thống lưới điện hiện có; xây dựng mới, hoàn thiện lưới điện trung thế, hạ thế theo hướng liên kết mạch vòng, bảo đảm cấp điện an toàn, ổn định cho sinh hoạt, sản xuất và dịch vụ.

- Hệ thống chiếu sáng được đầu tư theo hướng hiện đại, tiết kiệm năng lượng, đáp ứng yêu cầu mỹ quan và tiêu chuẩn kỹ thuật đối với khu vực trung tâm và các trục giao thông chính.

Cấp nước

- Nguồn nước:

+ Khu vực trung tâm sử dụng nguồn từ nhà máy nước hiện trạng;

+ Các bản sử dụng công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn, bổ sung hồ treo tại khu vực vùng cao. Duy trì, nâng cấp một số công trình cấp nước và đầu tư trạm lọc quy mô nhỏ phù hợp. Phấn đấu đến năm 2030 trên 80% dân số được sử dụng nước sạch, đến năm 2045 đạt 100%.

- Đến năm 2030, nhu cầu dùng nước của toàn xã khoảng 3.300m³/ngày đêm; đến năm 2045 khoảng 4.300m³/ngày đêm. Trên cơ sở đó, tiếp tục khai thác, nâng công suất các nhà máy nước hiện có, đồng thời mở rộng mạng lưới đường ống chính đến các khu dân cư, công trình công cộng và khu vực phát triển mới.

Made with GAMMA

5.6 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

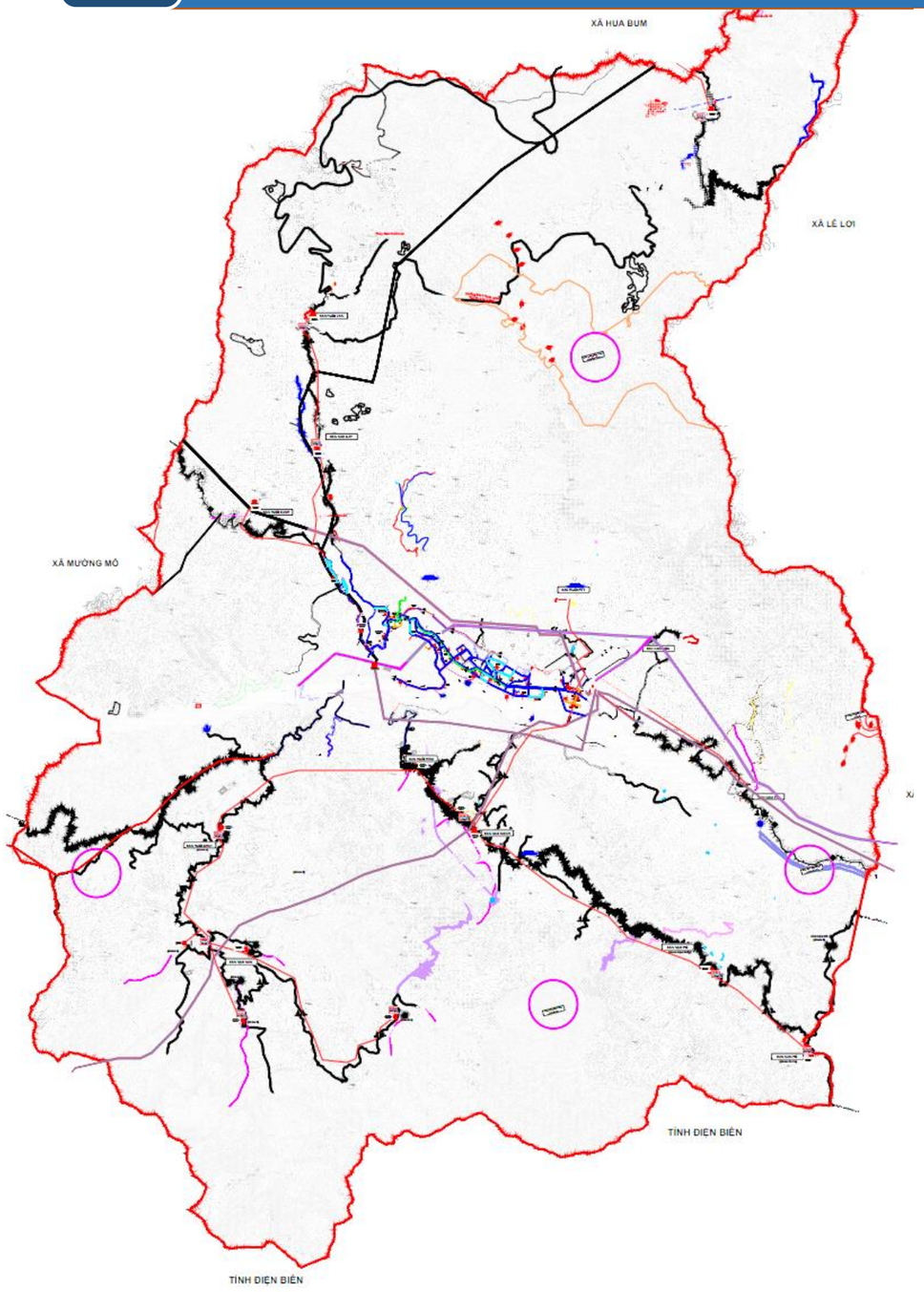

Thoát nước thải, chất thải rắn và nghĩa trang

a) Nước thải

- Khu vực trung tâm xã xây dựng hệ thống thoát nước riêng, thu gom nước thải về trạm xử lý tập trung; khu vực nông thôn sử dụng hệ thống nửa riêng, kết hợp xử lý cục bộ.

- Tất cả các công trình, hộ gia đình, cơ quan, đơn vị đều phải có công trình xử lý sơ bộ (bể tự hoại) theo quy định.

b) Chất thải rắn

- Tổ chức phân loại chất thải rắn tại nguồn; tăng cường thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn sinh hoạt, y tế, tiểu thủ công nghiệp được thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý phù hợp; chất thải nguy hại được quản lý riêng;

- Quy hoạch cơ sở xử lý chất thải rắn xã Nậm Hàng quy mô 9,3 ha tại khu vực thị trấn Nậm Nhùn cũ và các điểm thu gom tại các bản.

c) Nghĩa trang

- Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang hiện hữu theo hướng bảo đảm vệ sinh môi trường, cây xanh cách ly và phù hợp tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại, đồng thời thống nhất với quy hoạch sử dụng đất.

- Quy hoạch mở rộng nghĩa trang tập trung tại vị trí trung tâm thị trấn cũ diện tích 10ha.

Viễn thông

- Phát triển hệ thống hạ tầng viễn thông đồng bộ, hiện đại theo định hướng chung của tỉnh; ứng dụng công nghệ truyền dẫn tiên tiến, phục vụ chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công và đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc của Nhân dân.

5.7 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĂN HÓA – XÃ HỘI

Văn hóa – Thể thao

Trung tâm văn hóa – thể thao xã

- Giữ nguyên Trung tâm Hội nghị văn hóa xã hiện trạng.
- Quy hoạch mới khu thể thao trung tâm ~30.000 m²: sân bóng đá, điền kinh, bóng chuyền, cầu lông,…

Nhà văn hóa – khu thể thao bản

- Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa các bản, đảm bảo mỗi bản có 01 nhà văn hóa + sân thể thao.
- Xây mới nhà văn hóa: Nậm Pồ, Huổi Héo, Nậm Nàn, Huổi Chát, Nậm Lay, Huổi Pết, Nậm Nhùn (phục vụ du lịch cộng đồng).
- Tận dụng công trình cũ: chuyển UBND TT Nậm Nhùn (cũ) → NVH Pá Kéo; Liên đoàn Lao động (cũ) → NVH TDP Nậm Hàng.
- Bổ sung trang thiết bị, mở rộng sân thể thao bản, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng.

Giáo dục – đào tạo

Mục tiêu: Hoàn thiện mạng lưới trường lớp theo hướng chuẩn hóa – hiện đại hóa, đảm bảo tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng, ưu tiên vùng dân tộc thiểu số.

Định hướng đến 2030

•Phấn đấu 100% trường đạt chuẩn quốc gia; 100 % PHÒNG HỌC KIÊN CỐ

•Quy hoạch mới: MN Nậm Hàng (điểm Nậm Lay), MN Nậm Manh (điểm Phiêng Manh).

•Sửa chữa điểm trường Nậm Nàn 1 (TH & MN Nậm Manh).

•Bổ sung điểm trường MN, TH tại khu tái định cư Nậm Nàn, Nậm Pồ.

•Xây dựng nhà đa năng, phòng chức năng, nhà công vụ giáo viên tại vùng khó khăn.

Y tế: Giữ nguyên BVĐK Nậm Nhùn, Trạm Y tế Nậm Hàng và các điểm trạm bản Nậm Manh, Nậm Dòn; giai đoạn tới tập trung nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị.

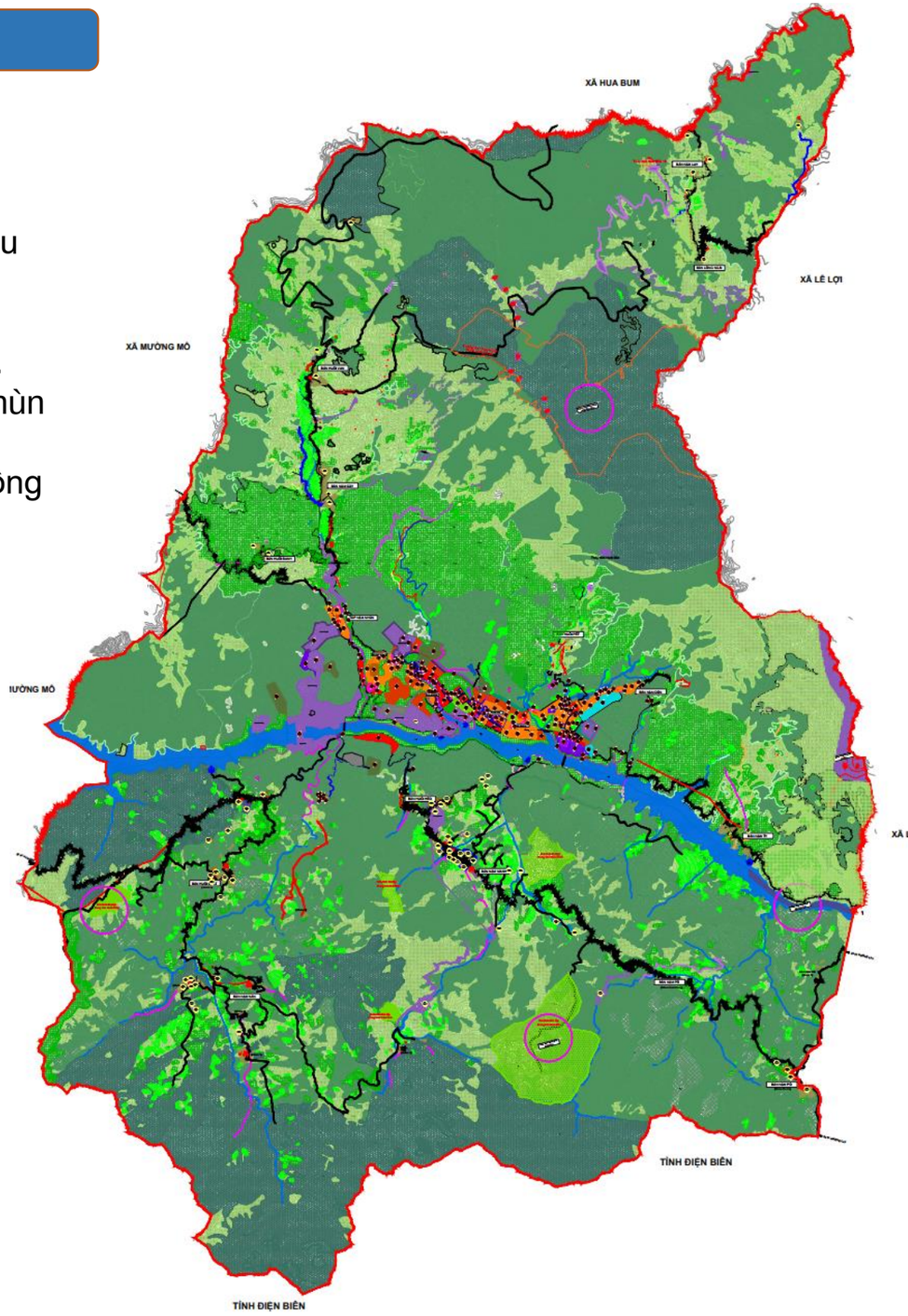

5.8 ĐỊNH HƯỚNG AN NINH QUỐC PHÒNG

Quốc phòng

Duy trì ổn định phạm vi các khu vực quân sự, khu vực bảo đảm an ninh theo hiện trạng hoặc theo kế hoạch bố trí của ngành an ninh, quốc phòng; thiết lập hành lang an toàn, không gian phòng thủ, không gian cấm xây dựng hoặc hạn chế xây dựng theo quy định pháp luật quốc phòng, an ninh. Bảo đảm kết nối giao thông chiến lược, thuận lợi trong công tác ứng cứu và xử lý tình huống.

Cụ thể, trụ sở BCH Quân sự huyện Nậm Nhùn được chuyển đổi, bố trí làm trụ sở BCH Quân sự xã Nậm Hàng mới, diện tích khoảng 2,5ha.

An ninh

Trụ sở công an huyện Nậm Nhùn cũ được bố trí chuyển đổi thành trụ sở công an xã Nậm Hàng mới, diện tích khoảng 3,1 ha. Đảm bảo phù hợp với quy mô chính quyền địa phương 2 cấp (gồm các hạng mục chính: trụ sở làm việc, nhà ở cán bộ chiến sỹ, nhà tạm giam tạm giữ, các hạng mục khác…). Đồng thời, giữ nguyên các cơ sở vật chất hiện có để phục vụ nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tư.

- Xác định vị trí trụ sở Đội phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ khu vực II tại khu vực đường Sông Đà (cảng nghiêng)DT: 7,0763 m2

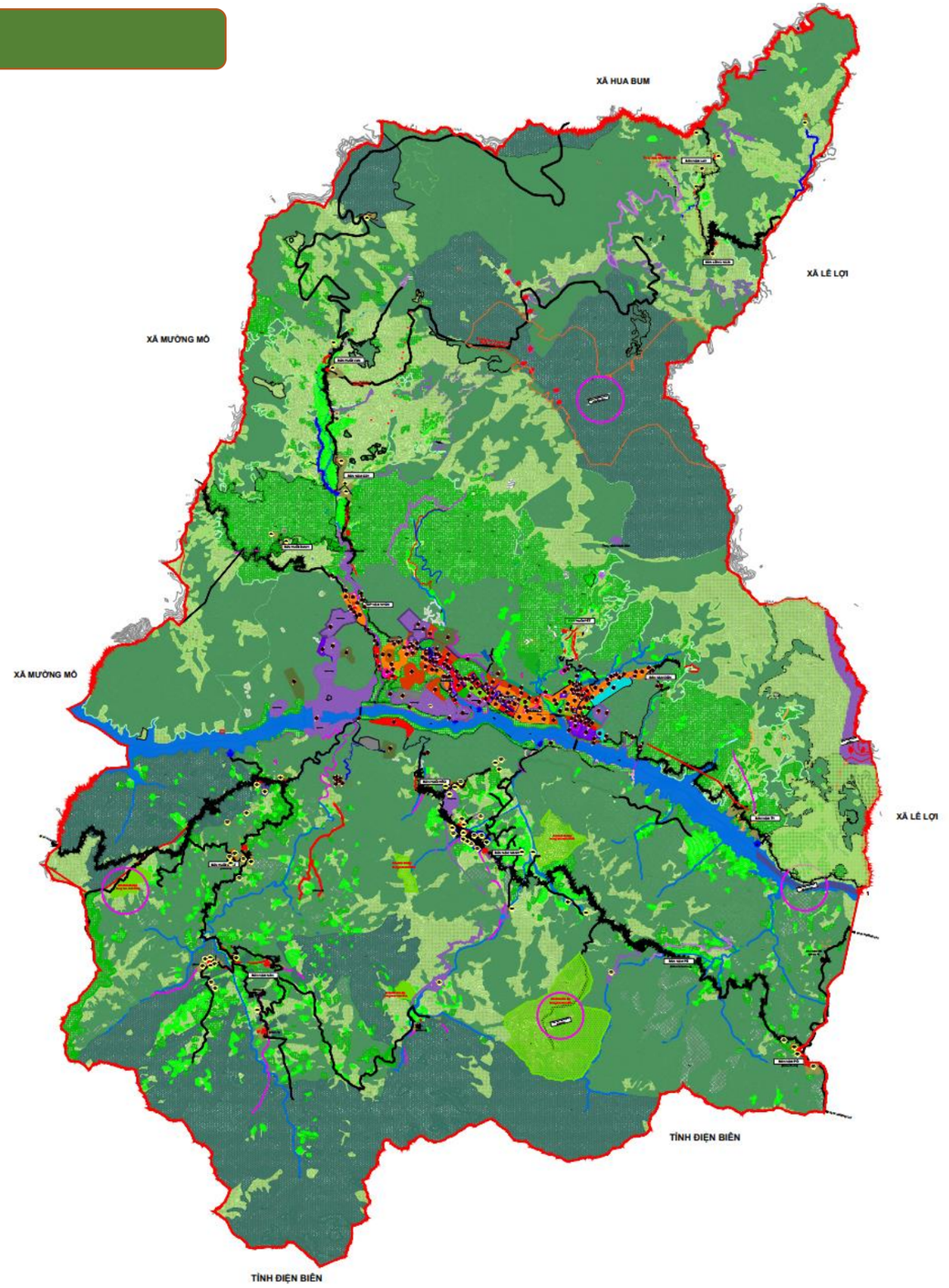

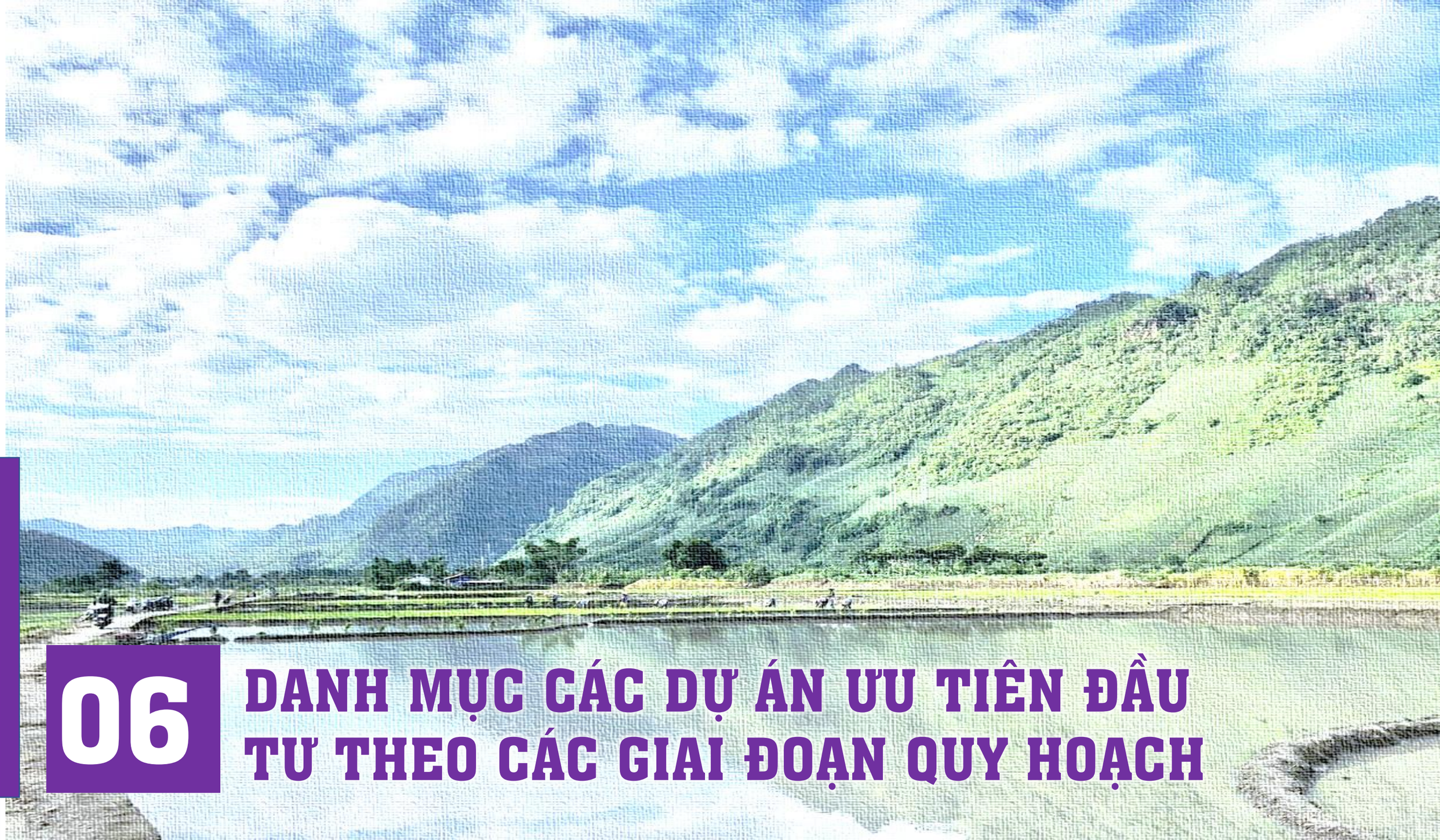

06 DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ THEO CÁC GIAI ĐOẠN QUY HOẠCH

Danh mục dự án dự kiến sử dụng vốn đầu tư công bằng Ngân sách Nhà nước.

GIAI ĐOẠN ĐẾN 2030	
Nhóm dự án	Nội dung chính
Hạ tầng xã hội	Xây dựng sân vận động xã ~7 ha và công trình phụ trợ; nâng cấp thiết chế văn hóa – thể thao; xây dựng cây xanh, vườn hoa; phát triển công trình thương mại dịch vụ; nâng cấp, xây mới một số trường học
Giao thông	Xây dựng bến xe mới ~0,95 ha; nâng cấp ĐT.127 đoạn trung tâm – cầu Nậm Nhùn (MC 36m); nâng cấp đường cây xăng – sân vận động (MC 30m); xây dựng tuyến Pa Kéo – Công an xã (MC 36m); nâng cấp đường nội đồng. Làm mới và nâng cấp tuyến đường đến bản và nội bản (trục đường Nậm Manh- Nậm Pồ ưu tiên số 1)
Hạ tầng kỹ thuật	Xây dựng hệ thống cấp nước ~3.000 m³/ngđ; trạm xử lý nước thải ~3.000 m³/ngđ; nâng cấp chiếu sáng; nạo vét, cải tạo mương thoát nước, hồ suối; xây dựng kè suối
Môi trường – nghĩa trang	Xây dựng khu xử lý chất thải rắn; cải tạo, nâng cấp nghĩa trang theo quy chuẩn
Khu dân cư	Hoàn thiện hạ tầng khung; lập quy hoạch chi tiết khu dân cư mới, tăng quỹ đất ở
GIAI ĐOẠN 2030-2045	
Nhóm dự án	Nội dung chính
Hạ tầng xã hội	Tiếp tục cải tạo, nâng cấp công trình văn hóa, giáo dục, thể thao
Hạ tầng kỹ thuật	Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống giao thông, cấp thoát nước, môi trường
Phát triển sản xuất – dân cư	Thu hút đầu tư khu dân cư mới, nông nghiệp và trang trại chất lượng cao

Made with GAMMA

Danh mục dự án ưu tiên thu hút đầu tư ngoài Ngân sách Nhà nước.

Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, dược liệu

- Cơ sở chế biến nông lâm sản, dược liệu
- Dự án trồng và chế biến tre
- Dự án trồng rừng sản xuất kết hợp trồng dược liệu, khoảng 2.000 ha

Công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản

- Mỏ cát trên phạm vi lòng hồ các công trình thủy điện
- Mở rộng khu khai thác cát đá
- Điện mặt trời Nậm Hàng 1
- Điện mặt trời Nậm Hàng 2

Du lịch

- Điểm du lịch cộng đồng TDP Nậm Nhùn.
- Điểm du lịch Huổi Chát.
- Điểm du lịch tại khe suối Nậm Manh.
- Điểm du lịch Đèo Voi, bản Huổi Héo.
- Khu du lịch cảnh quan thiên nhiên: du lịch khám phá, trải nghiệm hồ thủy điện, du lịch cảnh quan sông Đà.
- Du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn kiến trúc nhà sàn truyền thống, ẩm thực đặc trưng, các loại hình văn hóa – nghệ thuật dân gian Dân tộc Thái (TDP Nậm Nhùn), Dân tộc Mông (bản Huổi Chát)

Made with GAMMA

KẾT LUẬN

Việc lập Quy hoạch chung xã Nậm Hàng đến năm 2045 là yêu cầu cấp thiết sau khi thực hiện sáp nhập các đơn vị hành chính gồm xã Nậm Hàng, xã Nậm Manh và thị trấn Nậm Nhùn (cũ), nhằm tái cấu trúc không gian phát triển và thống nhất quản lý trên địa bàn có quy mô tự nhiên 335,30 km². Đồ án được xây dựng trên cơ sở khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế nổi bật của địa phương, đặc biệt là hệ thống thủy điện trên lưu vực sông Đà, tài nguyên rừng và cảnh quan sinh thái lòng hồ, qua đó tạo động lực cho phát triển kinh tế – xã hội và tổ chức lại hệ thống dân cư theo hướng hợp lý, bền vững.

Định hướng quy hoạch xác định xã Nậm Hàng phát triển theo mô hình hạt nhân năng lượng gắn với sinh thái và dịch vụ, trong đó phát huy vai trò trung tâm năng lượng của khu vực, đồng thời thúc đẩy phát triển du lịch sinh thái – văn hóa bản địa, nông lâm nghiệp bền vững và các hoạt động thương mại – dịch vụ phù hợp với điều kiện địa phương. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội được định hướng đầu tư đồng bộ, từng bước hoàn thiện nhằm nâng cao chất lượng sống của người dân. Bên cạnh đó, quy hoạch đặc biệt chú trọng bảo vệ tài nguyên rừng, đảm bảo an ninh sinh thái và nguồn nước lưu vực sông Đà, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và lâu dài cho địa phương

Made with GAMMA

XIN TRÂN TRỌNG CẢM ƠN !